



# Hướng dẫn sử dụng Thông tin sáng chế



[www.wipo.int](http://www.wipo.int)



## Nội dung

Giới thiệu chung	4
Hệ thống sáng chế hoạt động như thế nào?	4
Bảo hộ	4
Bộc lộ thông tin	7
Tại sao phải sử dụng thông tin sáng chế?	7
Thông tin sáng chế bao gồm những gì?	8
Có thể tìm thông tin sáng chế ở đâu?	11
Có thể tra cứu thông tin sáng chế bằng cách nào?	
Tra cứu theo từ khóa	12
Tra cứu theo phân loại sáng chế	13
Tra cứu theo số đơn/ngày nộp đơn	16
Tra cứu theo tên người nộp đơn/người được chuyển nhượng hoặc tác giả sáng chế	19
Tra cứu theo các trường dữ liệu cụ thể	21
Sử dụng trích dẫn và thông tin tham khảo	22
Kinh nghiệm hữu ích đối với việc tra cứu tư liệu sáng chế	24
Thông tin sáng chế có thể được sử dụng như thế nào?	26
Tra cứu tình trạng kỹ thuật	26
Thu thập thông tin kinh doanh	32
Tránh xâm phạm độc quyền sáng chế	37
Định giá sáng chế	37
Xác định xu hướng phát triển chủ yếu của công nghệ	38
Có thể tìm được tài liệu phi sáng chế ở đâu?	43



## ▶▶ Giới thiệu chung

Những năm gần đây, việc tiếp cận các thông tin công nghệ đang gia tăng một cách nhanh chóng nhờ ngày càng có nhiều tài liệu kỹ thuật tồn tại dưới định dạng kỹ thuật số và sự phát triển vượt bậc của các thiết bị điện tử phục vụ cho việc phân phối và tiếp nhận thông tin. Vì số lượng nguồn thông tin phục vụ cho công chúng ngày càng gia tăng nên việc tìm kiếm những thông tin hữu ích có liên quan lại trở nên khó khăn hơn.

Tài liệu hướng dẫn này có mục đích hỗ trợ người sử dụng trong việc tra cứu thông tin công nghệ có trong các tư liệu sáng chế - một nguồn thông tin kỹ thuật, pháp lý và kinh doanh dồi dào được trình bày trong các định dạng chuẩn và chưa được công bố ở bất cứ nơi nào khác. Mặc dù tài liệu này chỉ tập trung vào thông tin sáng chế, nhưng nhiều kỹ năng tra cứu nêu trên cũng có thể được áp dụng để tra cứu các nguồn thông tin công nghệ phi sáng chế khác.

## ▶▶ Hệ thống sáng chế hoạt động như thế nào?

Bằng độc quyền sáng chế có hai chức năng chính:

- **Chức năng bảo hộ:** Bằng độc quyền sáng chế cho phép chủ sở hữu sáng chế ngăn chặn người khác khai thác sáng chế được bảo hộ ở một quốc gia hoặc khu vực nhất định, và trong một thời hạn nhất định, thường là không quá 20 năm.
- **Chức năng bộc lộ thông tin:** Bằng độc quyền sáng chế cho phép công chúng tiếp cận các thông tin liên quan đến các công nghệ mới nhằm kích thích sáng tạo và góp phần phát triển kinh tế.

### Bảo hộ

Đơn sáng chế có thể nộp qua các con đường sau:

- **Con đường quốc gia:** Đơn sáng chế thường được nộp tại Cơ quan Sáng chế quốc gia. Bằng độc quyền sáng chế có thể được cấp và chỉ có hiệu lực trong lãnh thổ quốc gia đó, phù hợp với pháp luật của quốc gia đó. Đơn sáng chế đó cũng có thể nộp tại nhiều quốc gia khác theo quy định của pháp luật sáng chế tại từng quốc gia có liên quan.

- **Con đường khu vực:** ở một số khu vực, đơn sáng chế có thể nộp tại Cơ quan Sáng chế của khu vực, ví dụ, Tổ chức Sở hữu trí tuệ khu vực châu Phi (ARIPO) hoặc Cơ quan Sáng chế châu Âu (EPO). Đơn sáng chế khu vực có hiệu lực giống như đơn được nộp tại các quốc gia thành viên của Hiệp ước hợp tác sáng chế khu vực và, trong nhiều trường hợp, được Cơ quan Sáng chế khu vực cấp “một nhóm” bằng độc quyền sáng chế một cách tập trung. Để có hiệu lực ở cấp quốc gia, bản dịch bằng ngôn ngữ quốc gia sở tại của bằng độc quyền sáng chế có thể được yêu cầu nộp.
- **Con đường quốc tế:** Bất kỳ công dân hoặc cư dân nào của nước thành viên Hiệp ước PCT đều có thể nộp đơn sáng chế quốc tế tại Cơ quan Sáng chế của nước sở tại hoặc tại Văn phòng quốc tế của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) hoặc Cơ quan Sáng chế khu vực. Chỉ bằng việc nộp một đơn sáng chế quốc tế duy nhất, đơn sẽ có hiệu lực như đơn quốc gia được nộp tại các nước thành viên PCT được chỉ định. Mặc dù phần lớn thủ tục nộp đơn sáng chế được thực hiện trong pha quốc tế, nhưng bằng độc quyền sáng chế chỉ được cấp bởi mỗi Cơ quan Sáng chế của nước thành viên được chỉ định trong pha quốc gia.

Mặc dù thủ tục cấp bằng độc quyền sáng chế giữa các cơ quan sáng chế là khác nhau nhưng có thể khái quát hóa theo các bước sau:

- **Nộp đơn:** Người nộp đơn có thể lựa chọn con đường nộp đơn, ví dụ, theo con đường quốc gia, khu vực hay quốc tế và tiến hành nộp đơn. Bước nộp đơn đầu tiên được gọi là nộp đơn để hưởng “quyền ưu tiên”, từ đó lần lượt nộp đơn quốc gia, khu vực hoặc quốc tế trong thời hạn hưởng quyền ưu tiên là 1 năm theo Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp.
- **Thẩm định hình thức:** Cơ quan sáng chế phải đảm bảo rằng mọi thủ tục hành chính phù hợp, ví dụ, các tài liệu có liên quan đã có đủ trong đơn và các loại phí đã được nộp.
- **Tra cứu tình trạng kỹ thuật:** Ở nhiều quốc gia, nhưng không phải tất cả, cơ quan sáng chế tiến hành tra cứu tình trạng kỹ thuật, cụ thể là tình trạng kỹ thuật của tất cả các thông tin công nghệ có liên quan được công chúng biết đến tại thời điểm nộp đơn sáng chế. Bằng cách sử dụng cơ sở dữ liệu và thẩm định viên có năng lực trong lĩnh vực kỹ thuật cụ thể của đơn, “báo cáo tra cứu” được soạn thảo để so sánh các dấu hiệu kỹ thuật của sáng chế được yêu cầu bảo hộ với các dấu hiệu của giải pháp kỹ thuật đã biết.
- **Công bố đơn:** ở hầu hết các nước, đơn sáng chế được công bố sau 18 tháng kể từ ngày ưu tiên, nghĩa là sau ngày nộp đơn đầu tiên.



- **Thẩm định nội dung:** Nếu báo cáo tra cứu tình trạng kỹ thuật đã có sẵn, thẩm định viên sẽ kiểm tra xem đơn có đáp ứng các yêu cầu về khả năng bảo hộ độc quyền hay không, nghĩa là sáng chế có tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp hay không so với các giải pháp kỹ thuật được liệt kê trong báo cáo tra cứu. Thẩm định viên có thể đồng ý cấp bằng độc quyền sáng chế mà không yêu cầu việc sửa chữa nào, hay có thể thay đổi phạm vi của các điểm yêu cầu bảo hộ để phản ánh giải pháp kỹ thuật đã biết, hoặc từ chối bảo hộ.
- **Cấp bằng/từ chối:** Thẩm định viên có thể đồng ý cấp bằng độc quyền sáng chế mà không yêu cầu việc sửa chữa nào, hay có thể thay đổi phạm vi của các điểm yêu cầu bảo hộ để phản ánh giải pháp kỹ thuật đã biết, hoặc từ chối bảo hộ.
- **Phản đối:** Trong thời hạn nhất định, nhiều Cơ quan Sáng chế cho phép bên thứ ba phản đối việc cấp bằng độc quyền sáng chế với lý do rằng trên thực tế sáng chế không đáp ứng các điều kiện bảo hộ đối với sáng chế.
- **Khiếu nại:** Nhiều Cơ quan Sáng chế cho phép thủ tục khiếu nại sau khi thẩm định nội dung hoặc sau thủ tục phản đối đơn.

Hình 1. Thủ tục cấp bằng sáng chế



### *Bộc lộ thông tin*

Chức năng quan trọng thứ hai của hệ thống sáng chế là bộc lộ thông tin, nghĩa là bằng độc quyền sáng chế cho phép công chúng tiếp cận thông tin về các công nghệ mới nhằm kích thích sáng tạo và góp phần tăng trưởng kinh tế.

Mặc dù bảo hộ sáng chế mang tính chất lãnh thổ, chỉ có hiệu lực pháp luật tại quốc gia nơi bằng độc quyền sáng chế đó được cấp, nhưng thông tin có trong tài liệu sáng chế thì có tính chất toàn cầu, được cung cấp cho tất cả cá nhân hoặc tổ chức trên thế giới, nhằm cho phép người bất kỳ tìm hiểu và học tập những kiến thức này.

### ►► **Tại sao phải sử dụng thông tin sáng chế?**

Thông tin sáng chế là một nguồn thông tin quan trọng đối với các nhà nghiên cứu, tác giả sáng chế, doanh nhân, các doanh nghiệp thương mại, cũng như các chuyên gia sáng chế. Thông tin sáng chế có thể hỗ trợ những người sử dụng thông tin để:

- Tránh những nỗ lực nghiên cứu và triển khai trùng lặp;
- Xác định rõ khả năng bảo hộ của sáng chế;
- Tránh xâm phạm độc quyền sáng chế của người khác;
- Xác định được giá trị sáng chế của mình, cũng như của những người khác;
- Khai thác công nghệ có trong đơn sáng chế không được cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc không được bảo hộ độc quyền ở một số nước nhất định, hoặc bằng độc quyền sáng chế đã hết hiệu lực bảo hộ;
- Thu thập thông tin về các hoạt động sáng tạo và định hướng kinh doanh của đối thủ cạnh tranh trong tương lai;
- Nâng cao chất lượng của các quyết định kinh doanh, ví dụ, ký kết hợp đồng li-xăng, thiết lập quan hệ đối tác về công nghệ, mua lại và sáp nhập doanh nghiệp;
- Xác định xu hướng phát triển chủ đạo của các lĩnh vực công nghệ cụ thể, ví dụ, các lĩnh vực công nghệ liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe công đồng, bảo vệ môi trường, và xây dựng cơ sở cho việc hoạch định chính sách.

## ►► Thông tin sáng chế bao gồm những gì?

Thông tin sáng chế có chứa tất cả thông tin đã được công bố trong tài liệu sáng chế hoặc thông tin thu được từ việc phân tích số liệu thống kê về nộp đơn sáng chế, bao gồm:

- **Thông tin kỹ thuật** có chứa trong các bản mô tả và hình vẽ minh họa sáng chế;
- **Thông tin pháp lý** chứa trong các điểm yêu cầu bảo hộ xác định phạm vi bảo hộ của sáng chế và tình trạng pháp lý của sáng chế;
- **Thông tin liên quan đến kinh doanh** chứa trong dữ liệu viện dẫn, xác định tác giả sáng chế, ngày nộp đơn, nước xuất xứ, v.v..
- **Thông tin liên quan đến chính sách công** thu được từ việc phân tích xu hướng nộp đơn mà các nhà hoạch định chính sách sẽ sử dụng, ví dụ, chính sách công nghiệp quốc gia.

Cụ thể, thông tin sáng chế còn đề cập đến:

- **Người nộp đơn:** Tên của cá nhân hoặc công ty nộp đơn đăng ký sáng chế cụ thể;
- **Tác giả sáng chế:** Tên của một hoặc nhiều người đã tạo công nghệ mới và phát triển sáng chế;
- **Bản mô tả sáng chế:** Sự giải thích rõ ràng và súc tích về các công nghệ hiện có liên quan đến sáng chế mới, và sự giải thích về cách thức mà sáng chế sẽ được sử dụng để giải quyết những vấn đề kỹ thuật mà những công nghệ hiện có chưa giải quyết được; các ví dụ cụ thể về công nghệ mới cũng thường sẽ được đưa ra;
- **Yêu cầu bảo hộ:** Xác định tình trạng pháp lý của đối tượng được yêu cầu bảo hộ mà người nộp đơn xem đó là sáng chế của mình và hình thức bảo hộ được yêu cầu và được cấp; mỗi điểm yêu cầu bảo hộ là một câu đơn theo mẫu chuẩn nhằm xác định rõ sáng chế và những dấu hiệu kỹ thuật duy nhất của sáng chế; yêu cầu bảo hộ phải rõ ràng, súc tích và được minh họa một cách đầy đủ trong bản mô tả;
- **Nộp đơn để hưởng quyền ưu tiên:** là việc nộp đơn đầu tiên mà trên cơ sở đó việc nộp tiếp theo trong pha quốc gia, khu vực hoặc quốc tế có thể được thực hiện trong thời hạn ưu tiên 1 năm;<sup>1</sup>
- **Ngày ưu tiên:** là ngày nộp đơn đầu tiên mà kể từ ngày đó thời hạn bảo hộ độc quyền sáng chế sẽ được tính nếu sáng chế được cấp bằng độc quyền, và cũng là ngày bắt đầu của thời hạn 1 năm ưu tiên cho các đơn nộp sau đó;

<sup>1</sup> Nhóm các đơn sáng chế mà dựa trên một đơn duy nhất như được mô tả trên đây được gọi là “sáng chế đồng dạng”. Việc xác định các đơn của sáng chế đồng dạng không chỉ cho biết những nước hoặc khu vực mà đơn sáng chế được nộp, mà còn chỉ ra các bản dịch của đơn ở các ngôn ngữ khác nhau.



- **Ngày nộp đơn:** là ngày nộp đơn sáng chế riêng biệt tại một Cơ quan nhận đơn cụ thể, và là ngày mà thời hạn bảo hộ độc quyền sáng chế sẽ được tính nếu sáng chế được cấp bằng độc quyền sáng chế;
- **Quốc gia được chỉ định:** đó là những nước mà độc quyền sáng chế có thể được mở rộng nếu đơn sáng chế được nộp theo con đường khu vực hoặc quốc tế;
- **Tình trạng pháp lý:** Cho biết sáng chế có được cấp bằng độc quyền hay không; nếu có, thì những quốc gia hay khu vực nào bằng độc quyền sáng chế đã được cấp; và liệu bằng độc quyền sáng chế còn hay hết hiệu lực, hay đã bị hủy hiệu lực tại một quốc gia hoặc lãnh thổ nhất định;
- **Trích dẫn và tài liệu tham khảo:** Một số tài liệu sáng chế nhất định có thể dẫn chiếu đến các thông tin công nghệ có liên quan khác được người nộp đơn hoặc thẩm định viên sáng chế tìm ra trong quá trình thực hiện thủ tục cấp bằng độc quyền sáng chế; các trích dẫn và tài liệu tham khảo đó bao gồm tài liệu sáng chế và tài liệu phi sáng chế;
- **Dữ liệu thư mục:** để cập đến nhiều dữ liệu xuất hiện ở trang đầu tiên của tài liệu sáng chế hoặc của đơn tương ứng, và có thể bao gồm dữ liệu nhận dạng về tác giả, dữ liệu về nộp đơn quốc gia, dữ liệu về quyền ưu tiên, dữ liệu công bố đơn, dữ liệu phân loại và các dữ liệu khác liên quan đến nội dung kỹ thuật của đơn;
- **Mã loại tài liệu:** được sử dụng để phân biệt các tài liệu sáng chế được công bố theo loại và tình trạng pháp lý (xem Tiêu chuẩn ST.16 của WIPO); ví dụ, mã A1 được sử dụng cho đơn đã được công bố có kèm theo Báo cáo tra cứu quốc tế; mã A2 được sử dụng cho đơn đã được công bố nhưng không có Báo cáo tra cứu quốc tế, và mã A3 được sử dụng cho Báo cáo tra cứu quốc tế được công bố độc lập với đơn;
- **Mã nhận dạng quốc tế (INID -** được dùng để xác định các dữ liệu thư mục): để nhận biết các nội dung khác nhau của dữ liệu thư mục (xem Tiêu chuẩn ST.9 của WIPO); ví dụ, “11” là số bằng độc quyền sáng chế, “54” là tên sáng chế; danh mục đầy đủ về mã nhận dạng quốc tế có thể được tìm thấy tại: [www.wipo.int/standards/en/pdf/03-09-01.pdf#INID](http://www.wipo.int/standards/en/pdf/03-09-01.pdf#INID)
- **Mã quốc gia:** để chỉ các quốc gia khác nhau bằng 2 ký tự, ví dụ, “WO” là Văn phòng quốc tế của WIPO; danh mục mã quốc gia có thể xem tại Tiêu chuẩn ST.3 của WIPO.

Hình 2. Trang đầu tiên của đơn sáng chế

(12) INTERNATIONAL APPLICATION PUBLISHED UNDER THE PATENT COOPERATION TREATY (PCT)

(19) World Intellectual Property Organization  
International Bureau

(43) International Publication Date  
16 August 2001 (16.08.2001)

(21) International Application Number:  
PCT/IB01/00155

(22) International Filing Date: 9 February 2001 (09.02.2001)


(25) Filing Language: English

(26) Publication Language: English

(30) Priority Data:  
20000969 9 February 2000 (09.02.2000) ZA

(71) Applicant (for all designated States except US):  
HYDRAFORM INTERNATIONAL LIMITED (SW/BW);  
Deloitte & Touche House, Plot 50664, Fairground Office  
Park, Gaberone (BW).

(72) Inventors: and  
(75) Inventors/Applicants (for US only):  
KOPFAHL, Joachim [ZA/ZA]; 23 Sirius Street, 1459 Sunward Park (ZA).



(10) International Publication Number  
**WO 01/58654 A1**

PCT

BOOYSEN, Quintin [ZA/ZA]; 18 Kelvin Avenue, High-  
way Gardens, 1609 Germiston (ZA).

(74) Agents: GILSON, David, Grant et al.; Spoor and Fisher,  
P.O. Box 41312, 2024 Craighall (ZA).

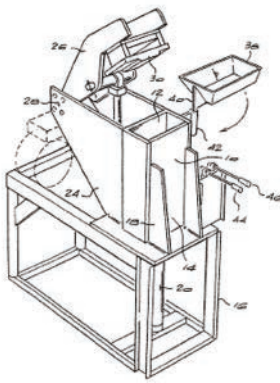
(81) Designated States (national): AE, AG, AL, AM, AT, AU,  
AZ, BA, BB, BG, BR, BY, BZ, CA, CH, CN, CR, CU, CZ,  
DE, DK, DM, DZ, EE, ES, FI, GB, GD, GE, GR, GM, HR,  
HU, ID, IL, IN, IS, JP, KE, KG, KP, KR, KZ, LC, LK, LR,  
LS, LT, LU, LV, MA, MD, MG, MK, MN, MW, MX, MZ,  
NO, NZ, PL, PT, RO, RU, SD, SE, SG, SI, SK, SL, TJ, TM,  
TR, TT, TZ, UA, UG, US, UZ, VN, YU, ZA, ZW.

(84) Designated States (regional): ARIPO patent (GH, GM,  
KE, LS, MW, MZ, SD, SL, SZ, TZ, UG, ZW), Eurasian  
patent (AM, AZ, BY, KG, KZ, MD, RU, TJ, TM), European  
patent (AT, BE, CH, CY, DE, DK, ES, FI, FR, GB, GR, IE,  
IT, LU, MC, NL, PT, SE, TR), OAPI patent (BF, BJ, CF,  
CG, CI, CM, GA, GN, GW, ML, MR, NE, SN, TD, TG).

*[Continued on next page]*

---

(54) Title: BLOCK FORMING APPARATUS



(57) Abstract: Block forming apparatus comprises a compression chamber with upper and lower ends. A main ram extends into the compression chamber from the lower end, while an auxiliary ram is mounted on a pivoting arm and can be moved into the upper end of the compression chamber. A softening mixture is introduced into the compression chamber and a precompression stroke is carried out by the upper ram (30), before a main compression stroke is carried out by the lower ram (30). The operating force applied by the upper ram is substantially less than that applied by the lower ram.

WO 01/58654 A1

Phân loại

Ngày nộp đơn

Ngày ưu tiên

Người nộp đơn

Tác giả sáng chế

Tên sáng chế

Các quốc gia được chỉ định

Tóm tắt

## ►► Có thể tìm thông tin sáng chế?

Thông tin sáng chế được đưa đến với công chúng thông qua một loạt cơ sở dữ liệu. Mỗi cơ sở dữ liệu chứa một tập hợp các tài liệu sáng chế nhất định. Hiện tại, không có cơ sở dữ liệu nào chứa tất cả tài liệu sáng chế đã được công bố trên toàn thế giới từ trước đến nay. Vì vậy, có thể phải tham vấn nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau để tìm ra và truy cập các tài liệu sáng chế mà bạn quan tâm.

Nhiều Cơ quan Sáng chế quốc gia và khu vực cho phép truy cập miễn phí các cơ sở dữ liệu sáng chế trực tuyến của họ, cũng như các tài liệu sáng chế chọn lọc từ các Cơ quan Sáng chế khác. Danh mục các cơ sở dữ liệu sáng chế quốc gia có tại: [www.wipo.int/patentscope/en/dbsearch/national\\_databases.html](http://www.wipo.int/patentscope/en/dbsearch/national_databases.html)

WIPO cho phép truy cập miễn phí tất cả đơn sáng chế quốc tế được nộp theo PCT và các tài liệu khác liên quan đến đơn, và tập hợp các dữ liệu sáng chế của nhiều quốc gia và khu vực thông qua dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE\*:

<http://patentscope.wipo.int/search/en/search.jsf>

Một số tổ chức thương mại hoặc phi lợi nhuận cũng cung cấp dịch vụ truy cập miễn phí vào các cơ sở dữ liệu thông tin sáng chế. Một số tổ chức thương mại đã xây dựng và cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng đối với việc truy cập thông tin này trên cơ sở khách hàng phải trả một khoản phí nhất định, kể cả dịch vụ cung cấp các bản dịch thông tin sáng chế và phân loại thêm một cách có hệ thống, ví dụ, thành phần và phản ứng hóa học hay các trình tự sinh học.

Ngoài ra, các dịch vụ tra cứu chuyên nghiệp cũng được cung cấp nhằm thực hiện những tra cứu về tình trạng kỹ thuật cho người nộp đơn tiềm năng, và điều đó có thể là hữu ích nếu việc tra cứu ban đầu này không đem lại kết quả mong muốn. Danh sách các tổ chức cấp dịch vụ thông tin sáng chế có thể được tìm thấy tại: [www.piug.org/vendors.php](http://www.piug.org/vendors.php)

<sup>2</sup> Có thể xem thêm thông tin về Hiệp ước Hợp tác về sáng chế tại [www.wipo.int/pct/en/treaty/about.htm](http://www.wipo.int/pct/en/treaty/about.htm)

## ▶▶ Có thể tra cứu thông tin sáng chế bằng cách nào?

Việc tra cứu tư liệu sáng chế sẽ cho phép bạn tìm thấy các thông tin về xu hướng phát triển gần đây của một loạt lĩnh vực kỹ thuật. Trên thực tế, trong một số lĩnh vực công nghệ, những phát triển mới đầu tiên và đôi khi chỉ được bộc lộ trong tài liệu sáng chế. Tuy nhiên, điều cần lưu ý là sự có hạn của dữ liệu đang được tra cứu. Không có bất cứ dữ liệu nào chứa tất cả thông tin kỹ thuật hiện có, hay toàn bộ thông tin sáng chế hiện có. Thông tin có thể bị giới hạn về thời gian lưu trữ hay quốc gia cung cấp nguồn thông tin hoặc các công cụ được sử dụng để tra cứu.

Việc tra cứu hiệu quả tư liệu sáng chế và các nguồn thông tin công nghệ khác thường đòi hỏi nền kiến thức vững về lĩnh vực kỹ thuật liên quan đến sáng chế. Hiểu biết về thuật ngữ và các vấn đề liên quan trong lĩnh vực này cũng là rất cần thiết nếu phải xác định các tiêu chuẩn tra cứu phù hợp.

Các tiêu chuẩn mà có thể được sử dụng để tra cứu các sáng chế có liên quan là:

- Từ khóa
- Phân loại sáng chế
- Ngày (ví dụ, ngày ưu tiên, ngày nộp đơn, ngày công bố, ngày cấp bằng)
- Các số tham chiếu hay nhận dạng sáng chế (ví dụ, số đơn, số công bố, số bằng)
- Tên người nộp đơn/người được chuyển nhượng hay tác giả sáng chế

Các tiêu chuẩn tra cứu khác nhau có thể được hỗ trợ bởi các dịch vụ tra cứu khác nhau. Một số dịch vụ tra cứu có thể cho phép tra cứu tài liệu sáng chế ở phạm vi rộng, trong khi một số dịch vụ khác lại giới hạn các tiêu chuẩn tra cứu.

Các nội dung có trên tài liệu sáng chế có thể được tra cứu bằng cách sử dụng các điều kiện tra cứu nêu trên, và các điều kiện tra cứu này cũng là khác nhau giữa các dịch vụ tra cứu. Hầu hết các dịch vụ tra cứu cho phép người sử dụng tra cứu dữ liệu thư mục/trang đầu của tài liệu, nghĩa là tất cả dữ liệu có trong đơn sáng chế trừ bản mô tả và yêu cầu bảo hộ. Một số dịch vụ tra cứu, kể cả PATENTSCOPE của WIPO, cho phép tra cứu toàn văn, bao gồm bản mô tả và yêu cầu bảo hộ của sáng chế. Phạm vi các dữ liệu tra cứu có thể cũng giới hạn hơn đối với những tài liệu sáng chế cũ. Ví dụ, trong một số trường hợp, những tài liệu sáng chế cũ chỉ có thể tra cứu được theo tên sáng chế hay theo số tham chiếu của sáng chế.

### Lưu ý!

Khoảng thời gian từ ngày nộp đơn và ngày công bố. Giai đoạn từ ngày ưu tiên của đơn đến ngày công bố đơn là 18 tháng. Tuy nhiên, nếu bằng độc quyền sáng chế được cấp thì chủ sở hữu sáng chế được phép ngăn cấm bên thứ ba khai thác thương mại đối với công nghệ có liên quan kể từ ngày ưu tiên. Để giảm nguy cơ xâm phạm quyền của người khác, cần được giám sát tư liệu sáng chế ở nước hoặc khu vực có liên quan để biết được các tài liệu sáng chế mới nhất được công bố.



Một số dịch vụ tra cứu sẽ cho phép bạn sử dụng các hệ thống thông báo, như RSS feeds, để theo dõi sự phát triển của một lĩnh vực công nghệ cụ thể.

### Tra cứu bằng từ khóa

Nhìn chung, cơ sở dữ liệu sáng chế có thể tra cứu được bằng cách sử dụng các từ khóa mô tả công nghệ hay về các vấn đề mà công nghệ sẽ giải quyết.

Để việc tra cứu có hiệu quả, nên sử dụng các công cụ sau:

- **Các từ khóa (toán tử Boolean):** Các từ khóa có thể được kết hợp với nhau và/hoặc loại trừ nhau bằng cách sử dụng “toán tử Boolean”, như: “AND”, “ANDNOT” (hay đơn giản là “NOT”), “OR”, “XOR” và “NEAR”, ví dụ:

tennis VÀ quả bóng	→	Các tài liệu chứa cả hai từ “tennis” và “quả bóng”
tennis VÀ KHÔNG quả bóng	→	Các tài liệu chứa từ “tennis” nhưng không chứa từ “quả bóng”
tennis HOẶC quả bóng	→	Các tài liệu chứa từ “tennis” hoặc “quả bóng” hoặc cả hai từ này
tennis XOR ball	→	Các tài liệu chứa từ “tennis” hoặc “quả bóng” nhưng không chứa cả hai từ này
tennis NEAR ball	→	Các tài liệu chứa cả hai từ “tennis” hoặc quả bóng nằm trong 1 số lượng từ nhất định khác <sup>3</sup>

Toán tử “NEAR” có thể hữu ích để tìm kiếm những từ liệu chứa cả hai thuật ngữ (ví dụ, “cắt kim loại”, “kim loại dùng để cắt” và “cắt bằng kim loại”), nhưng lại bỏ qua các tài liệu trong đó các thuật ngữ xuất hiện trong bối cảnh không liên quan đến nhau, mà việc tra cứu này có thể phải sử dụng toán tử “VÀ”.

- **Sử dụng ký tự cắt:** Các từ ngữ có thể được thông qua các ký tự cắt, nghĩa là cắt ngắn thuật ngữ gốc hay số lượng ký tự ban đầu, bằng cách rút gọn số lượng ký tự thông qua việc sử dụng toán tử đại diện, thường là dấu sao (\*), dấu hỏi (?), ký hiệu đồng đôla (\$), hay ký hiệu phần trăm (%), để làm tăng phạm vi kết quả tra cứu, ví dụ:

elect* →	Tất cả tài liệu chứa từ “elect,” ví dụ, “electricity”, “electrical”, “electron” (nhưng cũng có thể bao gồm cả các từ như “election”, “electoral”, v.v., mà không liên quan đến nội dung cần tra cứu, đó là các công nghệ liên quan đến điện)
----------	--

Một số dịch vụ tra cứu cho phép sử dụng các ký tự cắt ở cả trước và sau của cụm từ cần tra cứu, nhưng nhiều dịch vụ như Dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE® của WIPO chỉ cho phép sử dụng ký tự cắt ở bên phải của cụm từ cần tra cứu. Một số dịch vụ tra cứu coi tất cả thuật ngữ tra cứu là chính bản thân của thuật ngữ mà không cần sử dụng toán tử đại diện.

3. Trong Dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE® của WIPO, dãy mặc định mà trong đó thuật ngữ tra cứu kết hợp với toán tử NEAR phải có ít nhất 5 ký tự. Một dãy ký tự do người sử dụng thiết lập có thể được xác định bằng cách thêm dấu ngã (~) và con số tương ứng vào sau thuật ngữ tra cứu (ví dụ, “bóng tennis” ~10).

- **Sử dụng toán tử lồng nhau.** Sử dụng toán tử lồng nhau là việc sử dụng toán tử nhằm tổ chức các yêu cầu tra cứu để giải quyết các cú pháp tra cứu có thể gây ra sự nhầm lẫn, ví dụ:

tennis AND quả bóng OR vợt	→	Hai kết quả tra cứu cần được giải quyết
(tennis AND quả bóng) OR vợt	→	Các tài liệu chứa từ “tennis” và “bóng” hoặc “vợt” sẽ hiển thị
tennis AND (quả bóng OR vợt)	→	Các tài liệu chứa từ “tennis” và hoặc từ “bóng” hoặc “vợt” sẽ được hiển thị

Thứ tự mặc định khi các toán tử được sử dụng trong trường hợp không có các từ ngữ cần tra cứu là khác nhau giữa các dịch vụ tra cứu. Do đó, các toán tử lồng nhau sẽ được sử dụng khi phối hợp toán tử Boolean nhằm đảm bảo rằng việc tra cứu được thực hiện như mong muốn.

- **Sử dụng cụm từ.** Nếu bạn sử dụng một nhóm từ trong dấu ngoặc kép (“ ”) thì những từ nằm trong dấu ngoặc kép sẽ được coi là một thuật ngữ duy nhất. Điều này cho phép bạn tra cứu một cụm từ gồm nhiều từ hơn là sử dụng từng từ cụ thể như những thuật ngữ riêng biệt, ví dụ:

bóng tennis	→	Các tài liệu chứa cả từ “tennis” và “bóng” (được mặc định là có toán tử “AND” sẽ được hiển thị
“bóng tennis”	→	Chỉ các tài liệu chứa cụm từ “bóng tennis” hiển thị

## Lưu ý!

**Đa ngôn ngữ.** Tài liệu sáng chế tồn tại dưới nhiều ngôn ngữ. Thực tế này cần được lưu ý khi tiến hành tra cứu sáng chế. Ví dụ, đơn quốc tế được nộp theo Hiệp ước Hợp tác về sáng chế (PCT) phải có tên sáng chế và bản tóm tắt bằng cả tiếng Anh và tiếng Pháp, nhưng các nội dung khác của đơn (ví dụ, bản mô tả và yêu cầu bảo hộ) có thể dùng các ngôn ngữ khác. Vì vậy, việc sử dụng các thuật ngữ bằng tiếng Anh để tra cứu chỉ có thể mang lại kết quả là các tài liệu bằng tiếng Anh. Một vài thuật ngữ nhất định có thể tồn tại ở nhiều ngôn ngữ nhưng lại có nghĩa khác nhau trong từng ngôn ngữ. Ví dụ, thuật ngữ “vent” trong tiếng Anh được sử dụng để mô tả hành vi mở hay để cập đến một cửa hàng, nhưng lại có nghĩa là “gió” trong tiếng Pháp.

**Sai chính tả.** Mặc dù đã có các cơ chế kiểm soát chất lượng trong quá trình cấp bằng độc quyền sáng chế, nhưng không phải lúc nào các thuật ngữ cũng được đánh máy đúng.

**Từ đồng nghĩa hoặc tên khoa học.** Các công nghệ có thể được mô tả bằng cách sử dụng nhiều thuật ngữ thông dụng hoặc kỹ thuật khác nhau.



Hãy lưu ý đến các từ đồng nghĩa (ví dụ, bằng cách sử dụng từ điển kỹ thuật chuyên ngành) và cố gắng tìm ra khái niệm có tính tổng quát liên quan đến sáng chế (các dấu hiệu kỹ thuật cơ bản hay kỹ thuật chủ yếu). Các từ khóa được sử dụng theo cách này có thể được sử dụng kết hợp với các công cụ tra cứu nêu trên (toán tử Boolean, ký tự cắt và toán tử lồng nhau).

## Tra cứu theo phân loại sáng chế

Tất cả tài liệu sáng chế đều được phân loại riêng bằng cách sử dụng một hệ thống đã được chuẩn hóa để xác định nhóm hay các nhóm công nghệ mà việc cải tiến công nghệ đó được mô tả trong tài liệu tương ứng. Những hệ thống phân loại này là độc lập về ngôn ngữ và thuật ngữ, và được thẩm định viên sáng chế có chuyên môn áp dụng đối với sáng chế và các tài liệu kỹ thuật khác. Do đó, việc tra cứu các tài liệu theo phân loại sáng chế có thể giúp vượt qua một số bẫy khi tra cứu bằng từ khóa.

Hệ thống phân loại sáng chế được sử dụng rộng rãi nhất là Hệ thống Phân loại sáng chế quốc tế (IPC). Thông tin thêm về Hệ thống IPC có thể được tìm thấy tại: [www.wipo.int/classifications/ipc/en](http://www.wipo.int/classifications/ipc/en)

Hệ thống IPC bao trùm hầu hết mọi lĩnh vực công nghệ hiện tại. IPC thường xuyên được cập nhật để nâng cao chất lượng của Hệ thống này và đáp ứng sự phát triển của khoa học và công nghệ. Trong phiên bản mới nhất, IPC chia công nghệ ra thành gần 70.000 lĩnh vực hoặc nhóm. Mỗi nhóm mô tả một lĩnh vực công nghệ cụ thể và được xác định bằng một “ký hiệu phân nhóm”, bao gồm một chuỗi con số và ký tự. Các ký hiệu của IPC có thể được tìm thấy trong dữ liệu thư mục có trong các tài liệu sáng chế đã được công bố.



Hệ thống IPC được tổ chức theo cấu trúc thứ bậc. Từ bậc cao nhất đến bậc thấp nhất, bao gồm: phần, lớp, phân lớp và nhóm (nhóm chính và phân nhóm). Mỗi phần đều có tiêu đề và mã ký tự như sau:

A	Các nhu cầu của đời sống của con người
B	Các quy trình công nghệ; Giao thông vận tải
C	Hóa học và luyện kim
D	Dệt; Giấy
E	Xây dựng; Mỏ
F	Cơ khí; Chiếu sáng; Cấp nhiệt; Vũ khí; Kỹ thuật nổ
G	Vật lý
H	Điện

Từ phần (bậc cao nhất) đến phân nhóm (phân cấp thấp nhất), ví dụ, mã “C21B 7/10” có thể được phân nhỏ ra như sau:

- ➔ Phần C: Hóa học và luyện kim
- ➔ Lớp C21: Luyện sắt
- ➔ Phân lớp C21B: Sản xuất sắt, gang hay thép
- ➔ Nhóm chính C21B 7/00: Lò cao
- ➔ Phân nhóm C21B 7/00: Các phương pháp và thiết bị làm nguội

Ví dụ, một tra cứu được thực hiện bằng cách sử dụng phân lớp C21B sẽ cho ra tất cả các dữ liệu được phân nhóm theo nhóm chính C21B 7/00 cũng như các nhóm chính C21B 3/00, C21B 5/00 và v.v...

Phân nhóm được tiếp tục phân nhỏ bằng một hay nhiều dấu chấm nằm trước tiêu đề của phân nhóm để chỉ ra vị trí bậc của mỗi phân nhóm. Một phân nhóm với một số dấu chấm sẽ tạo nên những phân nhóm gần nhất trên nó mà có ít hơn một chấm. Trong ví dụ ở trang sau, các phân nhóm C02F 1/461 và C02F 1/469 (cấp độ hai dấu chấm) biểu thị sự phân nhỏ của phân nhóm C02F 1/46 (mức độ một dấu chấm).

Hình 3. Các mức độ dấu chấm của Bảng phân loại IPC

C02F 1/40	· Devices for separating or removing fatty or oily substances or similar floating material (cleaning or keeping clear the surface of open water from oil or like materials E02B 15/04, devices in sewers for separating liquid or solid substances from sewage E03F 5/14) [5]
C02F 1/42	· by ion-exchange [3]
C02F 1/44	· by dialysis, osmosis or reverse osmosis [3]
C02F 1/46	· by electrochemical methods [5]
C02F 1/461	· · by electrolysis [5]
C02F 1/463	· · · by electrocoagulation [5]
C02F 1/465	· · · by electroflotation [5]
C02F 1/467	· · · by electrochemical disinfection [5]
C02F 1/469	· · by electrochemical separation, e.g. by electro-osmosis, electrodialysis, electrophoresis [5]
C02F 1/48	· with magnetic or electric fields (C02F 1/46 takes precedence) [3]
C02F 1/50	· by addition or application of a germicide or by oligodynamic treatment (C02F 1/467 takes precedence) [5]
C02F 1/52	· by flocculation or precipitation of suspended impurities [3]
C02F 1/54	· · using organic material [3]
C02F 1/56	· · · Macromolecular compounds [3]

Để xác định các chỉ số IPC liên quan, có thể tiến hành tra cứu chỉ số IPC theo từ khóa tại website của WIPO có địa chỉ: [http://web2.wipo.int/ipcpub/#refresh=page&notion=scheme&version="0](http://web2.wipo.int/ipcpub/#refresh=page&notion=scheme&version=) 140101 sử dụng chức năng “STATS”. Nhập từ khóa và hệ thống sẽ cung cấp danh sách các chỉ số IPC liên quan đến từ khóa đã nhập.

Các hệ thống phân loại đáng lưu ý khác được các Cơ quan Sáng chế sử dụng bao gồm:

- Hệ thống Phân loại sáng chế châu Âu (ECLA), dựa trên IPC nhưng chia các phân nhóm cụ thể hơn;
- Hệ thống Danh mục tập tin (FI), do Cơ quan Sáng chế Nhật Bản sử dụng, dựa trên IPC nhưng có các phân nhóm phụ và các yếu tố phân loại bổ sung (“thuật ngữ F”) được sử dụng nhằm để chỉ ra các dấu hiệu hay khía cạnh kỹ thuật cụ thể của sáng chế;

### Lưu ý!

Sự thiếu hụt của việc phân loại lại IPC. IPC được sửa đổi định kỳ nhằm đáp ứng sự phát triển các công nghệ mới. Đơn sáng chế được công bố sau ngày ban hành phiên bản mới của IPC thường sẽ mang ký hiệu của phiên bản mới nhất, nhưng một số tài liệu sáng chế cũ có thể không được phân loại lại ngay lập tức (hoặc có thể sẽ không được phân loại lại) và do đó, chỉ có thể tra cứu được khi sử dụng các ký hiệu của IPC trong các phiên bản cũ hơn hoặc sử dụng các công cụ tra cứu khác (không sử dụng IPC).

### *Tra cứu theo số/ngày nộp đơn*

Các tài liệu sáng chế đều được gán các số nhận dạng riêng trong mỗi giai đoạn thẩm định sáng chế, cụ thể là:

- số đơn;
- số công bố; và
- số bằng, nếu bằng độc quyền được một Cơ quan Sáng chế quốc gia hay khu vực cấp.

Tài liệu sáng chế cũng lưu trữ các ngày quan trọng, bao gồm:

- ngày nộp đơn;
- ngày công bố; và
- ngày ưu tiên (ngày nộp đơn sáng chế trên cơ sở yêu cầu hưởng quyền ưu tiên).

Khi được cấp bằng độc quyền, đơn sáng chế quốc gia hoặc khu vực sẽ có ngày cấp bằng. Đơn sáng chế quốc tế vào pha quốc gia cũng được cấp số đơn quốc gia và ngày vào pha quốc gia, sau đó sẽ được gán các thông tin liên quan đến khả năng cấp bằng, từ chối hay rút đơn.

Tài liệu sáng chế có thể được tìm thấy thông qua việc sử dụng các thông số nhận dạng và các ngày quan trọng có liên quan. Một số dịch vụ tra cứu có hỗ trợ việc sử dụng các toán tử nhằm thu hẹp các trường tra cứu, kể cả trường ngày. Các toán tử phổ biến bao gồm: lớn hơn (>), nhỏ hơn (<), lớn hơn hoặc bằng (>=), nhỏ hơn hoặc bằng (<=) và không bằng (<>). Dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE® của WIPO có thể sử dụng ngoặc đơn [... TO...] và toán tử -> để xác định ngày, ví dụ:

DP:[20070908 TO 20071231] các tài liệu công bố (DP) giữa  
8/9/2007 đến 31/12/2007

Dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE® của WIPO hỗ trợ nhiều định dạng về ngày, bao gồm:

YYYY	e.g.: DP:2000
YYYYMM	e.g.: DP:200002
MM.YYYY	e.g.: DP:02.2000
YYYYMMDD	e.g.: DP:19981201
DD-MM-YYYY	e.g.: 01-12-1997
DD.MM.YY or DD.MM.YYYY	e.g.: DP:01.12.97 or 01.12.1997
DD/MM/YY or DD/MM/YYYY	e.g.: DP:01/12/97 or 01/12/1997



## Lưu ý!

**Sự đa dạng về định dạng số và ngày.** Các định dạng về số và ngày trong các cơ sở dữ liệu có thể là khác nhau. Các số nhận dạng sáng chế có thể là khác nhau về độ dài và có thể bao gồm mã nước, mã vùng, mã ký tự nhằm thể hiện loại hình bảo hộ, các số 0, dấu cách, các ký hiệu đặc biệt (gạch chéo, dấu phẩy, dấu chấm, v.v.) và mã các loại tài liệu. Mỗi Cơ quan Sáng chế sẽ quyết định định dạng thể hiện con số riêng để sử dụng cho các tài liệu sáng chế do họ công bố mà trên thực tế những định dạng này có thể thay đổi qua thời gian khi các Cơ quan Sáng chế thay đổi cách đánh số hoặc là hệ quả của việc thay đổi quy định của pháp luật. Mặc dù có một số cơ sở dữ liệu sáng chế vẫn duy trì số tham chiếu sáng chế dưới cùng một định dạng giống như Cơ quan Sáng chế cấp bằng, nhiều cơ sở dữ liệu, đặc biệt là những cơ sở dữ liệu chứa tài liệu từ nhiều cơ quan sáng chế khác nhau, đã điều chỉnh số tham chiếu sáng chế theo định dạng của họ.

Ví dụ, một đơn sáng chế do Cơ quan Sáng chế và Nhân hiệu Italia công bố có số công bố là MO2006A000199 (bao gồm mã vùng, năm, mã ký tự thể hiện loại đối tượng bảo hộ, và số seri có ba số 0) nhưng được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu esp@cenet của EPO với số công bố là IT2006MO00199 (bổ sung mã nước, và bỏ mã ký tự thể hiện loại đối tượng bảo hộ và một số 0 trong số seri).



Một biện pháp để thể hiện số tham chiếu sáng chế theo Tiêu chuẩn ST. 10/C của WIPO đăng tải tại: <http://www.wipo.int/standards/en/pdf/03-10-c.pdf>. Tuy nhiên, do không có chuẩn về định dạng số và ngày áp dụng trên phạm vi toàn cầu, nên điều quan trọng là lưu ý đến loại tài liệu sáng chế để có được kết quả tra cứu mong muốn.

## *Tra cứu theo tên người nộp đơn/người được chuyển nhượng hoặc tên tác giả*

Thông tin về các hoạt động sáng chế của mỗi cá nhân, công ty hay tổ chức cụ thể có thể được tìm thấy một cách nhanh chóng bằng cách tra cứu các tài liệu sáng chế theo tên của họ. Kỹ thuật tra cứu theo tên cũng tương tự như tra cứu theo từ khóa (từ khóa, ký tự cụm, kết hợp các từ ngữ và sử dụng cụm từ).

## Lưu ý!

**Sự đa dạng về tên gọi.** Việc tên của người nộp đơn xuất hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau trong tài liệu sáng chế không phải là hiếm. Đơn giản là tên của họ có thể bị đánh sai, hay viết tắt (ví dụ, “trách nhiệm hữu hạn” hay “TNHH”) hoặc được thay đổi theo thời gian (ví dụ, “International Harvester” được đổi tên thành “Navistar International Corporation” vào năm 1986).

### *Tra cứu theo các trường dữ liệu cụ thể*

Thông thường, nên tra cứu theo từ ngữ, con số hay sự kết hợp các thông số trên ở một trường dữ liệu hơn là tra cứu toàn bộ tài liệu. Ví dụ, người dùng có thể muốn tra cứu một từ khóa nào đó có trong tên sáng chế hay bản tóm tắt của một tập hợp tài liệu sáng chế.

Ở một số dịch vụ tra cứu, các thông số tra cứu có thể được nhập vào nhiều trường tra cứu có sẵn khác nhau.

Hình 4. Tra cứu theo trường trên PATENTSCOPE của WIPO

The screenshot displays the 'Field Combination' search interface on the PATENTSCOPE website. At the top, there are navigation links: Search, Browse, Translate, Options, News, Login, and Help. Below this is a breadcrumb trail: Home > IP Services > PATENTSCOPE. The main section is titled 'Field Combination' and contains a table of search fields. Each row has a dropdown menu for the field name, an equals sign, and an input box. The fields listed are: Front Page, WIPO Publication Number, Application Number, Publication Date, English Title, English Abstract, Applicant Name, International Class, Inventor Name, Office Code, English Description, English Claims, Licensing availability, and Inventor Name. Below the table, there are options for Language (English), Stemming (checked), and Office (All). A large section contains a tree view of filters for 'All', 'PCT', 'Africa', 'Americas', 'LATIPAT', and 'Asia-Europe', with various sub-categories and checkboxes. At the bottom right, it shows '0 results' and buttons for 'Search' and 'Reset'. At the bottom left, there are links for '+ Add another search field', '- Reset search fields', and 'Tooltip Help'.

Một số dịch vụ tra cứu cho phép người dùng tra cứu một cách linh hoạt hơn thông qua việc sử dụng mã trường. Mã trường sẽ xác định một trường dữ liệu cụ thể duy nhất trong tài liệu và được nhập vào phía trước của các thông số tra cứu (ví dụ, từ khóa), thường cách nhau bằng gạch chéo (/) hoặc dấu hai chấm (:). Các mã trường trong các dịch vụ tra cứu là khác nhau và phải lấy mã trường từ các tài liệu hướng dẫn của mỗi dịch vụ tra cứu. Các thông số tra cứu không có chèn thêm mã trường nằm trước được tra cứu đối với tất cả các trường dữ liệu.

Ví dụ, trong công cụ tra cứu nâng cao của dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE® của WIPO, mã trường “DE” có nghĩa là

chất bán dẫn	→	Tài liệu chứa cụm từ “chất bán dẫn” trong bất cứ trường dữ liệu nào
DE/chất bán dẫn	→	Tài liệu chứa cụm từ “chất bán dẫn” trong trường dữ liệu “Bản mô tả”

Tra cứu đầu tiên sẽ cho ra tất cả tài liệu sáng chế chứa cụm từ “chất bán dẫn”, kể cả các tài liệu không có cụm từ nêu trên trong trường “Bản mô tả”. Vì vậy, bất cứ đơn sáng chế nào do Công ty Freescale Semiconductor nộp cũng sẽ hiển thị trong kết quả tra cứu, thậm chí cả những đơn không liên quan đến công nghệ bán dẫn, vì cụm từ “chất bán dẫn” cũng sẽ xuất hiện trong trường “Tên người nộp đơn”.

### *Sử dụng trích dẫn và thông tin tham khảo*

Đơn sáng chế thường có chứa các tham chiếu đến các tài liệu sáng chế sớm hơn (ví dụ, đơn sáng chế hay bằng độc quyền sáng chế đã cấp) hoặc đến các thông tin được công bố trong các tài liệu khoa học và kỹ thuật (ví dụ, tạp chí hay cẩm nang chuyên ngành), đặc biệt là trong phần bản mô tả của đơn. Ngoài ra, trong quá trình thẩm định đơn, thẩm định viên sáng chế sẽ chuẩn bị các báo cáo mà trong đó họ có thể trích dẫn các tài liệu sáng chế hoặc các tài liệu khác có mô tả giải pháp kỹ thuật tương tự hay có liên quan mật thiết đến giải pháp đang yêu cầu bảo hộ độc quyền. Những báo cáo đó sẽ được hầu hết các Cơ quan Sáng chế công bố công khai. Các trích dẫn có trong tài liệu sáng chế có thể là cách hữu ích để xác định các tài liệu bổ sung liên quan đến công nghệ đang được tìm kiếm hoặc giúp tìm ra thêm các tiêu chuẩn để tra cứu sâu hơn.

Một tiêu chuẩn phổ biến mà các thẩm định viên sáng chế hay sử dụng để phân loại tài liệu được trích dẫn trong báo cáo tra cứu là theo mức độ liên quan của tài liệu nhằm phân thành một vài loại tài liệu, những loại tài liệu phổ biến nhất là:

- **Loại X:** là tài liệu mà chỉ một mình nó làm cho sáng chế đang được yêu cầu bảo hộ bị mất tính mới; do đó, sáng chế đang được yêu cầu bảo hộ có thể bị coi là mất tính mới;
- **Loại Y:** là tài liệu mà khi được kết hợp với một hay nhiều tài liệu khác sẽ làm cho sáng chế đang được yêu cầu bảo hộ trở thành kiến thức đã biết; và đến thời điểm đó, việc kết hợp đó là hiển nhiên đối với người có trình độ trong lĩnh vực kỹ thuật đó;
- **Loại A:** là tài liệu chứa thông tin kỹ thuật cơ bản liên quan đến sáng chế đang được yêu cầu bảo hộ.

Ví dụ dưới đây sẽ minh họa về cách sử dụng các loại tài liệu khác nhau.

Để biết thêm về hệ thống phân loại đối với các tài liệu được trích dẫn, hãy xem tại: [www.wipo.int/standards/en/pdf/03-14-01.pdf](http://www.wipo.int/standards/en/pdf/03-14-01.pdf)

Hình 5. Mẫu Báo cáo tra cứu quốc tế (ISR)

INTERNATIONAL SEARCH REPORT		International Application No PCT/AT 02/00172
<b>A. CLASSIFICATION OF SUBJECT MATTER</b> IPC 7 B62H3/08		
According to International Patent Classification (IPC) or to both national classification and IPC		
<b>B. FIELDS SEARCHED</b> Minimum documentation searched (classification system followed by classification symbols) IPC 7 B62M		
Documentation searched other than minimum documentation to the extent that such documents are included in the fields searched		
Electronic data base consulted during the international search (name of data base and, where practical, search terms used) EPO-Internal, MPI Data, PAJ		
<b>C. DOCUMENTS CONSIDERED TO BE RELEVANT</b>		
Category *	Citation of document, with indication, where appropriate, of the relevant passages	Relevant to claim No.
X	FR 516 494 A (DANEL FRANCOIS-LEOPOLD-AUG) 19 April 1921 (1921-04-19) abstract; figures	1
Y	----- US 5 628 710 A (HERVIG DANA P) 13 May 1997 (1997-05-13) abstract; figures	4
Y	----- FR 2 753 953 A (FRECHAUT JEAN) 3 April 1998 (1998-04-03) abstract; figures	4
X	----- FR 2 753 953 A (FRECHAUT JEAN) 3 April 1998 (1998-04-03) abstract; figures	1
A	----- WO 00 68067 A (BADARNEH ZIAD) 16 November 2000 (2000-11-16) abstract; figures	1, 4, 5
<input type="checkbox"/> Further documents are listed in the continuation of box C. <input checked="" type="checkbox"/> Patent family members are listed in annex.		
<b>* Special categories of cited documents:</b> *A* document defining the general state of the art which is not considered to be of particular relevance *E* earlier document but published on or after the international filing date *I* document which may throw doubts on priority claim(s) or which is cited to establish the publication date of another claim or other special reason (as specified) *O* document relating to an oral disclosure, use, exhibition or other means *P* document published prior to the international filing date but later than the priority date claimed *T* later document published after the international filing date or priority date and not in conflict with the application but cited to understand the principle or theory underlying the invention *X* document of particular relevance; the claimed invention cannot be considered novel or cannot be considered to involve an inventive step when the document is taken alone *Y* document of particular relevance; the claimed invention cannot be considered to involve an inventive step when the document is combined with one or more other such documents, such combination being obvious to a person skilled in the art *Z* document member of the same patent family		
Date of the actual completion of the international search <b>10 September 2002</b>		Date of mailing of the international search report <b>17/09/2002</b>
Name and mailing address of the ISA European Patent Office, P.B. 5816 Patentstr 2 NL - 2280 HV Rijswijk Tel. (+31-70) 340-2040, Tx. 31 851 400-nl Fac. (+31-70) 340-3016		Authorized officer <b>Wagner, H</b>
Form PCT/ISA/210 (second sheet) (July 1992)		

### *Kinh nghiệm hữu ích đối với việc tra cứu tư liệu sáng chế*

Cách tra cứu hiệu quả nhất là sử dụng tất cả biện pháp tra cứu nêu trên, bằng cách sử dụng và kết hợp các từ khóa, ký hiệu IPC, và các dãy số/ngày, v.v. được hỗ trợ bởi các dịch vụ tra cứu.

Tra cứu tư liệu sáng chế hiệu quả là một quá trình từng bước, từ tra cứu rộng ban đầu đến tra cứu chuyên sâu. Việc tra cứu mở rộng ban đầu sẽ cho phép bạn tìm ra các kết quả tra cứu bất ngờ nhưng có thể có liên quan, cũng như xác định thêm các tiêu chuẩn cho các tra cứu tiếp theo. Tuy nhiên, cuối cùng thì số lượng kết quả tra cứu phải được giới hạn ở một con số hợp lý để cho phép thẩm định một cách chi tiết và lưu lại riêng biệt.

Để đạt được việc này, cần lưu ý các vấn đề sau khi xây dựng chiến lược tra cứu:

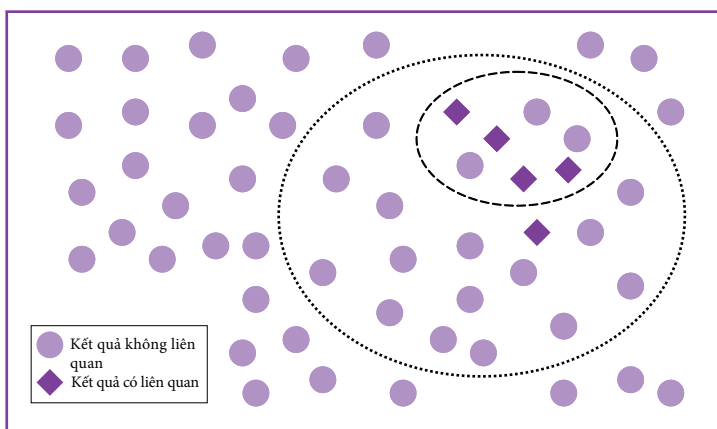
- **Các thuật ngữ tra cứu rộng và thuật ngữ tra cứu cụ thể:** Các từ khóa và ký hiệu IPC được sử dụng ở những lần tra cứu đầu tiên phải bao trùm lĩnh vực công nghệ rộng mà sáng chế liên quan. Ví dụ, nếu bạn đang tra cứu thông tin về đi-ốt phát sáng, ban đầu bạn có thể sử dụng từ khóa “chất bán dẫn” hay ký hiệu IPC như phân lớp “H01L” (chất bán dẫn) thay vì sử dụng nhóm “H01L 33/00” (chất bán dẫn đặc biệt có chức năng phát sáng).
- **Các toán tử tra cứu kết hợp/loại trừ:** Các toán tử tra cứu nhất định có thể được sử dụng để mở rộng phạm vi tra cứu (toán tử kết hợp), trong khi các toán tử khác lại được sử dụng để thu hẹp phạm vi tra cứu (toán tử loại trừ).  
Toán tử kết hợp là, ví dụ, toán tử “OR” và bất cứ toán tử thay thế nào (vì tất cả sự kết hợp từ ngữ dựa trên cụm từ được áp dụng toán tử thay thế đều hiện trong kết quả tra cứu).

Toán tử loại trừ là, ví dụ, toán tử “AND”, do kết quả tra cứu phải chứa cả từ hoặc cụm từ tham gia vào toán tử đó, và dấu ngoặc kép, vì kết quả tra cứu phải bao gồm cụm từ chính xác bên trong dấu ngoặc kép.



Như minh họa trong sơ đồ dưới đây, việc thu hẹp phạm vi tra cứu sẽ làm tăng số lượng tài liệu có liên quan trong phần kết quả tra cứu, nghĩa là làm tăng tính chính xác của việc tra cứu. Tuy nhiên, việc thu hẹp phạm vi tra cứu cũng có thể làm giảm số lượng tài liệu có liên quan tìm được, có nghĩa là làm giảm chất lượng tra cứu.

Hình 6. Tính chính xác của kết quả tra cứu



Tính chính xác. Trong sơ đồ trên, việc tra cứu rộng hơn (được biểu thị bằng đường chấm) đã cho ra 23 kết quả, trong đó chỉ 5, khoảng 20%, là có liên quan; trong khi tra cứu hẹp hơn (được biểu thị bởi đường nét đứt) cho ra 7 kết quả, trong đó 4, tức là hơn một nửa, là có liên quan.

Kết quả. Cũng trong sơ đồ trên, việc tra cứu rộng hơn cho ra 5, tức là 100% kết quả là có liên quan; trong khi tra cứu hẹp hơn chỉ cho ra 4 hoặc 5, tức là 80% kết quả là có liên quan.

## ►► Thông tin sáng chế có thể được sử dụng như thế nào?

Tư liệu sáng chế bao gồm rất nhiều loại thông tin kỹ thuật và pháp lý có thể được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau bao gồm:

- Tra cứu tình trạng kỹ thuật;
- Thu thập thông tin kinh doanh;
- Tránh xâm phạm độc quyền sáng chế;
- Định giá sáng chế;
- Xác định các xu hướng chủ đạo về sự phát triển của công nghệ.

Trong các ví dụ dưới đây, Dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE của WIPO sẽ được sử dụng cho mục đích minh họa cho, nhưng những biện pháp tương tự cũng có thể được sử dụng đối với các dịch vụ tra cứu thông tin sáng chế và phi sáng chế khác.

Các bước được mô tả trong các trường hợp cụ thể có thể được sử dụng làm hướng dẫn để bạn tự thực hiện việc tra cứu.

### *Tra cứu tình trạng kỹ thuật*

Các tiêu chuẩn được sử dụng để xác định khả năng bảo hộ đối với sáng chế gồm:

- Tính mới: Sáng chế có mới không?
- Tính không hiển nhiên/Trình độ sáng tạo: Sáng chế có đủ khác biệt so với công nghệ hiện có hay không?

Để xác định liệu sáng chế được yêu cầu bảo hộ có đáp ứng các tiêu chuẩn nêu trên hay không thì cần phải so sánh với tình trạng kỹ thuật, tức là tri thức hiện tại của công chúng trên toàn thế giới. Tư liệu sáng chế là một kênh quan trọng để thông tin kỹ thuật được đưa đến với công chúng. Vì thế, việc tra cứu tư liệu sáng chế là một bước quan trọng để xác định liệu một sáng chế có khả năng được bảo hộ độc quyền hay không.

Trước khi tra cứu về khả năng bảo hộ độc quyền đối với các tư liệu sáng chế hiện có, điều quan trọng là phải xác định được các đặc điểm của giải pháp kỹ thuật đang được yêu cầu bảo hộ độc quyền sáng chế.<sup>4</sup>

- Sáng chế của bạn giải quyết vấn đề kỹ thuật gì?
- Sáng chế của bạn hoạt động như thế nào?
- Sáng chế của bạn có hiệu quả gì?
- Sáng chế của bạn có kết cấu như thế nào?
- Loại vật liệu hoặc những biện pháp nào được áp dụng để tạo ra sáng chế của bạn?

Đáp án cho những câu hỏi trên sẽ được chắt lọc thành những từ ngữ và cụm từ cần thiết, được sử dụng trong quá trình tra cứu tư liệu sáng chế hiện có.

Cần ghi nhớ rằng các bằng độc quyền sáng chế trong các lĩnh vực công nghệ hiện tại mà liên quan một cách không rõ ràng đến giải pháp kỹ thuật đang được yêu cầu bảo hộ có thể chứa đựng những thông tin về khả năng bảo hộ độc quyền đối với sáng chế của bạn. Ví dụ, sáng chế của bạn liên quan đến thiết kế mới lạ về chiếc cánh quạt của chiếc tuốc-bin chạy bằng gió. Các bằng độc quyền về thiết kế cánh quạt của máy bay lên thẳng, cánh máy bay hoặc các kết cấu khí động lực học có thể chứa đựng những thông tin về giải pháp kỹ thuật có liên quan. Vì thế, phạm vi tra cứu của bạn không nên bị giới hạn quá mức để tránh bỏ qua các tư liệu có liên quan khác.

### Lưu ý!

**Tư liệu phi sáng chế.** Tư liệu phi sáng chế, bao gồm các tạp chí khoa học và thương mại, đóng vai trò quan trọng đối với tình trạng kỹ thuật của nhiều lĩnh vực kỹ thuật. Do đó, một tra cứu tình trạng kỹ thuật toàn diện cần phải lưu ý đến nguồn thông tin này.

**Các dạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ khác nhau.** Ngoài bằng độc quyền sáng chế, một số nước còn quy định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ dưới các hình thức khác, như mẫu hữu ích, sáng chế nhỏ hoặc các hình thức tương tự. Các thông tin được bộc lộ trong đơn đăng ký các đối tượng này cũng được coi là tình trạng kỹ thuật và cần được xem xét khi đánh giá khả năng bảo hộ độc quyền đối với sáng chế.

**Pháp luật về sáng chế.** Những yêu cầu pháp lý về khả năng bảo hộ sáng chế, như mức độ của trình độ sáng tạo cần thiết để cấp bằng độc quyền cho một sáng chế cụ thể, có thể là khác nhau giữa các hệ thống pháp luật. Vì thế, có thể là hữu ích nếu tham vấn ý kiến của chuyên gia sáng chế trong trường hợp tra cứu sơ bộ về khả năng bảo hộ sáng chế không tìm ra được tình trạng kỹ thuật đã biết bất kỳ mà thực sự làm mất hiệu lực các điểm yêu cầu bảo hộ sáng chế tiềm năng của bạn.

<sup>4</sup> Việc xem xét các vấn đề này cũng có thể giúp bạn cải thiện chất lượng của đơn đăng ký sáng chế cụ thể



### Ví dụ thực tiễn

Bạn đã phát triển được một công nghệ gắn pin mặt trời vào lá nhôm ở nhiệt độ thấp bằng cách sử dụng các hạt “mực” nano.

#### *Bước 1. Xác định các ý tưởng chính liên quan đến giải pháp của bạn*

Từ phần mô tả nêu trên, các ý tưởng chính có thể bao gồm: “pin mặt trời” (sản phẩm), “lá nhôm”, “hạt mực nano” (nguyên liệu được sử dụng trong quy trình sản xuất).

#### *Bước 2. Xác định các từ khóa tra cứu*

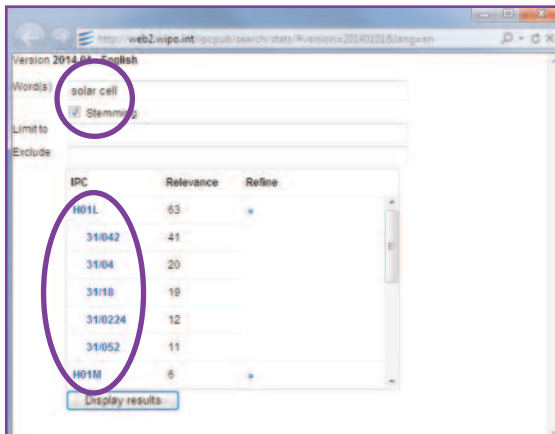
Bước tiếp theo là tìm các thuật ngữ đồng nghĩa, các từ và cụm từ khóa có liên quan đến các ý tưởng đã được xác định ở bước thứ nhất:

pin mặt trời	→	tế bào quang điện (từ đồng nghĩa)
lá nhôm	→	lá nhôm (cách đọc khác), lá kim loại (từ có liên quan)
hạt mực nano	→	dung dịch hạt nano (từ có liên quan), huyền phù hạt nano (từ có liên quan)

#### *Bước 3. Xác định ký hiệu trong Bảng phân loại sáng chế quốc tế (IPC) để thực hiện việc tra cứu*

Bằng cách sử dụng các từ và cụm từ được xác định ở các bước nêu trên, các ký hiệu IPC phù hợp có thể được tìm thấy khi tra cứu từ khóa trong IPC (xem: <http://web2.wipo.int/ipcpub/#refresh=page&notion=scheme&version=20140101>). Để tra cứu cụm từ “pin mặt trời”, hãy sử dụng chế độ mặc định để tìm ra nhóm H01L31 trong phân loại IPC có liên quan:

Hình 7: Tra cứu IPC dùng từ khóa



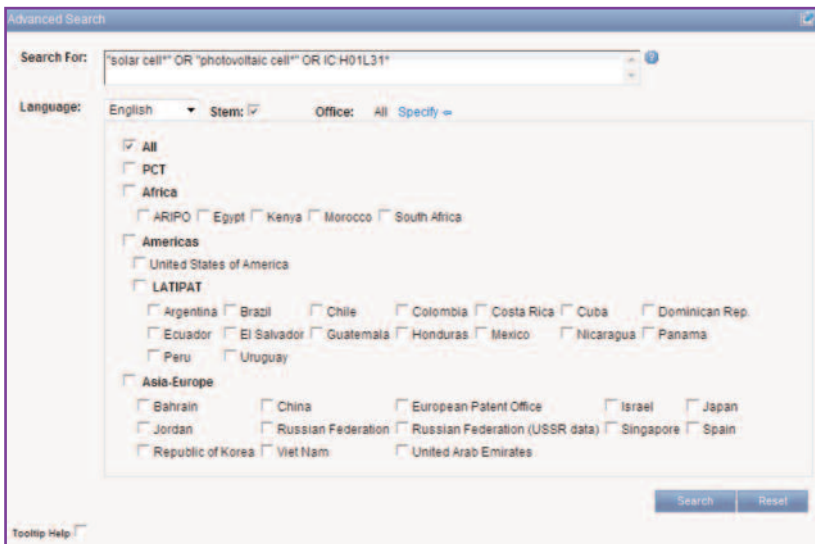
#### Bước 4: Thực hiện việc tra cứu đầu tiên

Những tra cứu đầu tiên thường có phạm vi tương đối rộng, bằng cách sử dụng (i) các toán tử Boolean “OR” để liên kết các từ khóa hoặc ký hiệu IPC liên quan; và (ii) các toán tử thay thế để kết hợp dạng số nhiều của từ và cụm từ. Vì các ký hiệu IPC chỉ nằm trong trường phân loại quốc tế trong các tài liệu sáng chế được tra cứu, toán tử “Phân loại quốc tế” (International Class - “IC”) có thể được sử dụng trong Dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE® của WIPO (chức năng tra cứu nâng cao) để giới hạn phạm vi tra cứu đối với các ký hiệu IPC trong trường này.

Tra cứu đầu tiên sẽ tập trung vào việc tìm ra một loạt đơn đăng ký sáng chế có liên quan đến đối tượng được đề cập:

“pin mặt trời\*” OR “tế bào quang điện\*” OR IC:H01L31\*

Hình 8. Bảng tra cứu nâng cao WIPO PATENTSCOPE



Tra cứu này tìm được hơn 210.000 kết quả - một số lượng quá lớn để có thể xem xét chi tiết từng kết quả. Việc xem xét các kết quả này cho thấy chúng bao gồm các đơn không những liên quan đến phương pháp sản xuất pin mặt trời mà còn liên quan đến việc bố trí và sử dụng pin mặt trời. Các kết quả này cũng liên quan đến vật liệu xây dựng cơ bản nhiều hơn là ứng dụng giải pháp mà bạn đang thẩm định về khả năng bảo hộ độc quyền sáng chế.

Hình 9: Kết quả tra cứu trên PATENTSCOPE của WIPO

No.	Ctr	Title	PubDate	Int.Class	Appl.No	Applicant	Inventor
1.	WO	WO/2013/140549 - SOLAR CELL AND METHOD FOR MANUFACTURING SAME	26.09.2013	H01L 31/04	PCT/JP2012/057190	SANYO ELECTRIC CO., LTD.	TAIRA, Shigeharu
<p>A solar cell (10) is provided with: a photoelectric conversion unit (11); and a first electrode (20) and a second electrode (30), which contain a binder and a filler, and are provided on the main surfaces of the photoelectric conversion unit (11), respectively. At least a part of the first electrode (20) and at least a part of the second electrode (30) have an electrode height variation coefficient of 15 % or less for a length of 1 mm or more. The first electrode (20) and the second electrode (30) are manufactured by printing paste portions (50a, 50b) on respective main surfaces, said paste portions forming respective electrodes, flattening the upper surfaces (53a, 53b) of the paste portions (50a, 50b) by pressing, in the height direction, at least a part of each of the printed paste portions (50a, 50b), then, hardening the paste portions (50a, 50b).</p>							
2.	WO	WO/2013/140614 - SOLAR CELL MODULE	26.09.2013	H01L 31/042	PCT/JP2012/057571	SANYO ELECTRIC CO., LTD.	YOSHIMINE, Yukihito
<p>A solar cell module (10) is configured to comprise: a solar cell that is held between a light receiving surface-side protective member (17) and a back surface-side protective member (18) by means of a filler (19); and wiring materials (13, 14). The solar cell comprises: a photoelectric conversion unit (20); a light receiving surface electrode (21) that is connected to the wiring material (13), with an adhesive (32) being interposed therebetween; and a back surface electrode (25) that is connected to the wiring material (14), with an adhesive (33) being interposed therebetween. A stress relief layer (30) is arranged between the light receiving surface electrode (21) and the light receiving surface-side surface of the photoelectric conversion unit (20), and a stress relief layer (31) is arranged between the back surface electrode (25) and the back surface-side surface of the photoelectric conversion unit (20).</p>							
3.	WO	WO/2013/140615 - SOLAR CELL	26.09.2013	H01L 31/04	PCT/JP2012/057575	SANYO ELECTRIC CO., LTD.	TAIRA, Shigeharu
<p>A solar cell (10) has a photoelectric conversion section (11), and a light receiving surface electrode (14), which is configured by including finger electrodes (15) and bus bar electrodes (16), is disposed on the light receiving surface of the photoelectric conversion section (11). Auxiliary electrodes (17, 18) are provided at the leading ends of the finger electrodes (15). At each of the leading ends of the finger electrodes (15), each of the auxiliary electrodes (17, 18) extends at a predetermined angle toward another adjacent finger electrode (15) from the direction in which each finger electrode (15) is disposed, and each of the auxiliary electrodes is disposed at a predetermined interval from the another finger electrode (15). The predetermined interval is specified by considering the balance between improvement of power collection efficiency and increase of light blocking loss due to extension of the auxiliary electrodes (17, 18).</p>							
4.	WO	WO/2013/140550 - SOLAR CELL MODULE	26.09.2013	H01L 31/042	PCT/JP2012/057193	SANYO ELECTRIC CO., LTD.	YOSHIMINE, Yukihito
<p>Provided is a solar cell module which has improved durability. A solar cell module (1) is provided with a module main body (20), a frame body (11) and a terminal box (30). The module main body (20) comprises a solar cell (10). The module main body (20) is fitted to the frame body (11). The terminal box (30) is arranged on the backside main surface of the module main body (20). The solar cell (10) is electrically connected to the terminal box (30). The terminal box (30) is arranged outside a region (20A) that is surrounded by the frame body (11).</p>							

### Bước 5: Tra cứu nâng cao

Trên cơ sở xem xét kết quả tra cứu ban đầu, việc tra cứu sẽ được thu hẹp bằng cách sử dụng các thuật ngữ tra cứu chi tiết hơn và liên kết với nhau bằng các toán tử Boolean “AND”. Việc lồng nhau nên được sử dụng để giải quyết cú pháp tra cứu mơ hồ bất kỳ có thể.

Để thu được kết quả chứa các từ như “dung dịch chứa hạt nano” hay “dung dịch chứa hạt nano”, chúng ta sẽ phải sử dụng các dấu ngã (~) để xác định khoảng cách giữa 2 từ (trong ví dụ là 5 từ):

("nanoparticle suspension"~5 OR "nanoparticle solution"~5 AND "nanoparticle ink"~5) AND (IC/"H01L31" OR "solar cell"~5 OR "photovoltaic cell"~5) AND ("aluminum foil" OR "metal foil")

Hình 10: Tra cứu nâng cao trên PATENTSCOPE của WIPO

Search For: ("nanoparticle suspension"-5 OR "nanoparticle solution"-5 AND "nanoparticle ink"-5) AND ("H01L31" OR "solar cell"-5 OR "photovoltaic cell"-5) AND ("aluminum foil" OR "metal foil")

Language: English Stem: Office: All Specify

All  
 PCT  
 Africa  
 ARIPO  Egypt  Kenya  Morocco  South Africa  
 Americas  
 United States of America  
 LATIPAT  
 Argentina  Brazil  Chile  Colombia  Costa Rica  Cuba  Dominican Rep.  
 Ecuador  El Salvador  Guatemala  Honduras  Mexico  Nicaragua  Panama  
 Peru  Uruguay  
 Asia-Europe  
 Bahrain  China  European Patent Office  Israel  Japan  
 Jordan  Russian Federation  Russian Federation (USSR data)  Singapore  Spain  
 Republic of Korea  Viet Nam  United Arab Emirates

Search Reset

Việc tra cứu này cho ra 117 kết quả, một con số dễ xử lý hơn.

Hình 11: Kết quả tra cứu trên PATENTSCOPE của WIPO

results 1-10 of 117 for Criteria: ("nanoparticle suspension"-5 OR "nanoparticle solution"-5 AND "nanoparticle ink"-5) AND ("H01L31" OR "solar cell"-5 OR "photovoltaic cell"-5) AND ("aluminum foil" OR "metal foil") Offices: All Language: EN Stemming: Off

prev 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 next Page 1 / 12 Go >

define Search ("nanoparticle suspension"-5 OR "nanoparticle solution"-5 AND "nanoparticle ink"-5) AND ("H01L31" OR "solar cell"-5 OR "photovoltaic cell"-5) AND ("aluminum foil" OR "metal foil") Offices: All Language: EN Stemming: Off

Analysis

Sort by: Pub Date Desc View: All List Length: 10

No	Ctr	Title	PubDate	Int Class	Appl No	Applicant	Inventor
1	US	20130210191 - High-Throughput Printing of Semiconductor Precursor Layer by Use of Chalcogen-Rich Chalcogenides	15.08.2013	H01L 31/18	13673993	Nanosolar, Inc.	Van Duren Jeroen K.J.
<p>high-throughput method of forming a semiconductor precursor layer by use of a chalcogen-rich chalcogenides is disclosed. The method comprises forming a precursor material comprising group IB-chalcogenide and/or group IIIA-chalcogenide particles, wherein an overall amount of chalcogen in the particles relative to an overall amount of chalcogen in a group IB-IIIa-chalcogenide film created from the precursor material, is at a ratio that provides an excess amount of chalcogen in the precursor material. The excess amount of chalcogen assumes a liquid form and acts as a flux to improve intermixing of elements to form the group IB-IIIa-chalcogenide film at a desired stoichiometric ratio, wherein the excess amount of chalcogen in the precursor material is an amount greater than or equal to a stoichiometric amount found in the IB-IIIa-chalcogenide film.</p>							
2	US	20130125988 - CZTS/Se PRECURSOR INKS AND METHODS FOR PREPARING CZTS/Se THIN FILMS AND CZTS/Se-BASED PHOTOVOLTAIC CELLS	23.05.2013	H01L 31/18	13470430	Cao Yanyan	Cao Yanyan
<p>The present invention relates to coated binary and ternary chalcogenide nanoparticle compositions that can be used as copper zinc tin chalcogenide precursor inks. In addition, this invention relates to coated substrates comprising binary and ternary chalcogenide nanoparticle compositions and provides processes for manufacturing these coated substrates. This invention also relates to compositions of copper zinc tin chalcogenide thin films and photovoltaic cells comprising such films. In addition, this invention provides processes for manufacturing copper zinc tin chalcogenide thin films, as well as processes for manufacturing photovoltaic cells incorporating such films.</p>							
3	US	20130099179 - METAL NANOPARTICLE COMPOSITIONS FOR REFLECTIVE FEATURES	25.04.2013	H01B 1/02	13693796	Cabot Corporation	Vanheusden Karel
<p>composition for the fabrication of reflective features using a direct-write tool is disclosed. The composition comprises metal nanoparticles having an average particle size less than 300 nm and which carry thereon a polymer for substantially preventing agglomeration of the nanoparticles, wherein the nanoparticles exhibit a metal-polymer weight ratio of 100:1 to 10:1. The composition further includes a vehicle for forming a dispersion with the metal nanoparticles. A number of electronic devices comprising a reflective layer formed from the composition are also disclosed. One example case provides an electronic device having a reflective electrode. The reflective electrode comprises a percolation network of the metal nanoparticles embedded in a matrix of the polymer and having an average particle size of less than 300 nm, wherein the reflective electrode is reflective in the visible light range and does not diffract incident light.</p>							



### *Thu thập thông tin kinh doanh*

Việc biết được công ty hoặc cá nhân nào dẫn đầu về công nghệ trong lĩnh vực kinh doanh của bạn có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch cho các hoạt động kinh doanh, cũng như các hoạt động nghiên cứu - triển khai. Hoạt động sáng chế và quyền sở hữu sáng chế có thể là rất quan trọng trong việc xác định những tác giả sáng chế tiềm năng trong nhiều lĩnh vực công nghệ khác nhau

Mặc dù một tra cứu có thể cho thấy các tư liệu sáng chế bất kỳ đáp ứng các điều kiện tra cứu mà được công bố tại thời điểm tra cứu thì các đơn đăng ký sáng chế mới được nộp tiếp theo có thể sẽ liên quan đến việc kinh doanh của bạn. Để theo kịp những phát triển này, một số dịch vụ tra cứu cung cấp khả năng về yêu cầu cập nhật qua e-mail hoặc thiết lập công cụ RSS (RSS feeds) theo đơn đặt hàng để cập nhật liên tục về các tài liệu mới được công bố và có thể truy vấn được bằng các ứng dụng phần mềm thông thường

#### **Lưu ý!**

**Bí mật thương mại.** Ngoài việc đăng ký bảo hộ độc quyền sáng chế cho một sáng tạo và chấp nhận bộc lộ các thông tin có liên quan khi nộp đơn sáng chế, một số doanh nghiệp có thể bảo vệ các ý tưởng của mình bằng cách giữ bí mật, đặc biệt nếu sáng tạo này dễ được nhận biết bằng kỹ thuật phân tích ngược. Do đó, một số hoạt động sáng tạo và chiến lược của đối thủ cạnh tranh trong tương lai có thể không được tìm thấy khi tiến hành tra cứu sáng chế

**Thương mại hóa.** Một công nghệ không nhất thiết phải được thương mại hóa bởi chính chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế mà có thể được li-xăng cho một hoặc nhiều người khác. Vì thế, không phải lúc nào đơn đăng ký sáng chế được công bố cũng chứa đựng hết hoạt động kinh doanh của đối thủ cạnh tranh.





### Ví dụ thực tiễn

Công ty của bạn đang sản xuất nông cụ và muốn biết xu hướng phát triển mới trong lĩnh vực công nghệ cày trên thị trường quốc tế.

#### Bước 1. Xác định các điều kiện tra cứu

Một sự lựa chọn rõ ràng là tra cứu đối với các đơn sáng chế chứa từ khóa “cày”. Tuy nhiên, việc tra cứu bằng cách sử dụng từ khóa có thể dễ bị nhầm lẫn với từ khóa khác (ví dụ, “cái cày”), các thuật ngữ kỹ thuật, nghĩa đen của từ đó hoặc các đơn bằng ngôn ngữ nước ngoài. Do vậy, bạn nên sử dụng các ký hiệu IPC để tìm ra những đơn có liên quan.

Tra cứu theo IPC bằng từ khóa (xem: <http://web2.wipo.int/ipcpub/#refresh=page&notation=scheme&version=20140101>) sẽ thu được một số nhóm ký hiệu IPC có liên quan đến công nghệ cày:

Hình 12: Tra cứu IPC dùng từ khóa

IPC	Relevance	Refine
A61K	24	»
C07K	15	»
A01B	9	»
C12N	9	»
E02F	9	»
G01N	8	»
A61B	8	»

### Bước 2: Tiến hành tra cứu

Vì nhiều nhóm IPC có vẻ liên quan đến công nghệ cần tra cứu nên bạn có thể sử dụng tất cả các nhóm IPC tìm thấy này cho bước tra cứu đầu tiên. Việc này có thể được thực hiện bằng cách sử dụng toán tử “OR”.

Vì bạn chỉ quan tâm đến tra cứu các phân nhóm quốc tế của tư liệu sáng chế nên bạn có thể giới hạn tra cứu của mình ở trường thích hợp của Dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE® của WIPO (chức năng tra cứu nâng cao) bằng cách sử dụng các trường “Phân loại quốc tế” đặt trước các ký hiệu IPC có liên quan như sau:

IC/"A01B 3" OR IC/"A01B 5" OR IC/"A01B 7" OR IC/"A01B 9" OR  
IC/"A01B 11" OR IC/"A01B 13" OR IC/"A01B 15" OR IC/"A01B 17"

Hình 13: Tra cứu nâng cao trên PATENTSCOPE của WIPO

The screenshot shows the 'Advanced Search' interface of the WIPO PATENTSCOPE. The search query is entered in the 'Search For:' field. Below the search box, there are options for 'Language' (set to English), 'Stem' (checked), and 'Office' (set to All). A large list of checkboxes is provided to filter the search results by geographical region and specific countries. The regions listed are Africa, Americas, LATIPAT, and Asia-Europe, each with sub-options for various countries. The 'All' checkbox is selected. At the bottom right, there are 'Search' and 'Reset' buttons.

Việc tra cứu này thu được khoảng 6200 kết quả, kể cả những đơn sáng chế chứa "các công cụ và máy đào nền hoặc làm đất" và "công cụ cắt trong nông nghiệp liên quan đến đất".

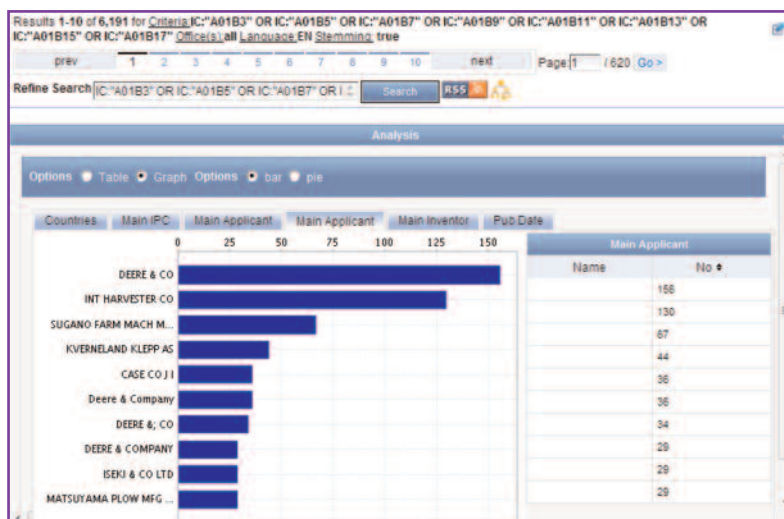
### Bước 3: Phân tích dữ liệu

Từ kết quả tra cứu trên PATENTSCOPE® của WIPO, bạn có thể dễ dàng thực hiện việc phân tích sâu về các kết quả thu được và hình dung được hoạt động sáng chế trong lĩnh vực mà bạn quan tâm theo biểu đồ dưới đây.

Hình 14a: Kết quả tra cứu trên PATENTSCOPE của WIPO

Countries	Main IPC	Main Applicant	Main Inventor	Pub Date					
Name	No	Name	No	Name	No	Date	No		
United States	3098	A01B	8191	DEERE & CO	156	SILVER WALTER H	46	2003	106
Spain	803	A01C	357	INT HARVESTER CO	130	STRANDLUND CARL G	33	2004	113
Japan	561	E02F	324	SUGANO FARM MACH MFG CO LTD	67	ALTGELT RUDOLPH J	24	2006	135
European Patent Office	419	A01G	104	KVERNELAND KLEPP AS	44	MINAGAWA ISAO	20	2007	97
Russian Federation	302	E02B	66	Deere & Company	36	van der Lely Cornelis	16	2008	126
Brazil	297	A01D	52	CASE CO JI	36	PURSCHE HARRY A	17	2009	143
PCT	219	B62D	34	DEERE & CO	34	JAMES MORKOSKI	16	2010	190
China	206	A61B	26	MATSUYAMA PLOW MFG CO LTD	29	IMAI KAZUHARU	16	2011	163
Argentina	132	E01C	15	ISEKI & CO LTD	29	SUGANO YOSHITAKA	15	2012	191
Republic of Korea	111			DEERE & COMPANY	29	HOSHIHARA	14	2013	72

Hình 14b. Biểu đồ về kết quả tra cứu theo người nộp đơn



Công cụ này cung cấp các thông tin hữu ích liên quan đến 10 Cơ quan sáng chế hàng đầu, các phân nhóm IPC chính, những người/tổ chức nộp đơn nhiều nhất, các tác giả sáng chế quan trọng nhất và ngày công bố đơn trong khuôn khổ các kết quả tra cứu tìm được.

#### Bước 4. Cập nhật thông tin hiện có

Từ trang kết quả tra cứu của PATENTSCOPE, bạn có thể đăng ký RSS như hướng dẫn dưới đây. Bằng cách đăng ký dịch vụ RSS, bạn sẽ được cập nhật thông tin về các đơn đăng ký sáng chế quốc tế mới nhất mà công ty bạn quan tâm do nội dung đường dẫn này thường xuyên được cập nhật từ các đơn đăng ký mới được công bố mà đáp ứng các tiêu chuẩn đặt ra của tra cứu gốc.

Hình 15: Kết quả tra cứu trên PATENTSCOPE của WIPO

The screenshot shows the search results interface for PATENTSCOPE. At the top, there is a search bar with the criteria: "Criteria:IC:"A01B3" OR IC:"A01B5" OR IC:"A01B7" OR IC:"A01B9" OR IC:"A01B11" OR IC:"A01B13" OR IC:"A01B15" OR IC:"A01B17" Office(s):all Language:EN Stemming: true". Below the search bar, there is a "Search" button and an "RSS" button, which is circled in red. The main content area is titled "Analysis" and contains a table with the following columns: Countries, Main IPC, Main Applicant, Main Inventor, and Pub Date. The table lists various countries and their corresponding patent counts, along with the names of the main applicants and inventors.

Countries		Main IPC		Main Applicant		Main Inventor		Pub Date	
Name	No	Name	No	Name	No	Name	No	Date	No
United States	3088	A01B	8181	DEERE & CO	156	SILVER WALTER H	48	2003	106
Spain	803	A01C	357	INT HARVESTER CO	130	STRANDLUND CARL G	33	2004	113
Japan	661	E02F	324	SUGANO FARM MACH MFG CO LTD	67	ALTGELT RUDOLPH J	24	2005	155
European Patent Office	419	A01G	104	KVERNELAND KLEPP AS	44	MINAGAWA ISAO	20	2006	135
Russian Federation	302	E02B	68	Deere & Company	36	van der Lely Cornelis	18	2007	97
Brazil	297	A01D	52	CASE CO J I	36	PURSCHE HARRY A	17	2008	126
PCT	219	A01M	39	DEERE & CO	34	JAMES MORKOSKI	16	2009	143
China	219	B62D	34	MATSUYAMA PLOW MFG CO LTD	29	PURSCHE HARRY A	16	2010	190
China	206	A61B	29	ISEKI & CO LTD	29	IMAI KAZUHARU	16	2011	163
Argentina	132	E01C	15	DEERE & COMPANY	29	SUGANO YOSHITAKA	15	2012	191
Republic of Korea	111					HOSHIHARA	14	2013	72

### *Tránh xâm phạm độc quyền sáng chế*

Có thể thường xuyên tránh được các thủ tục pháp lý tốn kém liên quan đến việc xâm phạm độc quyền sáng chế bằng cách thu thập thông tin về phạm vi bảo hộ của các bằng độc quyền sáng chế hiện có và tình trạng pháp lý của chúng tại các nước khác nhau để bạn lên kế hoạch kinh doanh tại các nước đó. Thông tin này có thể thu được bằng cách tra cứu một cách có hệ thống các tư liệu sáng chế. Việc tra cứu như vậy có thể được thực hiện trên cơ sở các tư liệu sáng chế của Hệ thống PCT, cũng như tại các cơ sở dữ liệu của các quốc gia hoặc khu vực mà bạn muốn thương mại hóa công nghệ của mình. Khi đã có được các tư liệu sáng chế thích hợp, bước đầu tiên là thẩm định tình trạng pháp lý của đơn sáng chế:

- Bằng độc quyền sáng chế đã được cấp, bị từ chối, rút bỏ hay đang chờ cấp?
- Ở những quốc gia nào?
- Bằng độc quyền sáng chế vẫn còn hay đã hết hiệu lực?
- Sáng chế đó có gia hạn hay không, có thể tồn tại trong các trường hợp cụ thể?

Nếu bằng độc quyền sáng chế vẫn còn có hiệu lực pháp lý ở nước mà bạn muốn bán sản phẩm thì bước thứ hai là đánh giá các điểm yêu cầu bảo hộ của sáng chế đó. Có thể tránh được những xâm phạm tiềm năng bằng cách điều chỉnh sản phẩm của bạn có lưu ý đến các điểm yêu cầu bảo hộ có liên quan.

Vì đơn đăng ký sáng chế chỉ được công bố sau 18 tháng kể từ ngày nộp đơn nên điều quan trọng là phải tiếp tục giám sát tư liệu sáng chế trong các lĩnh vực công nghệ có liên quan đến sản phẩm của bạn. Nhiều dịch vụ tra cứu có tích hợp các công cụ thông báo, ví dụ, công cụ RSS (RSS feeds) có thể hỗ trợ tích cực cho việc này

### *Định giá sáng chế*

Tư liệu sáng chế có thể cung cấp chỉ dẫn về giá trị sáng chế của bạn hoặc của các đối thủ cạnh tranh. Đặc biệt, những thông tin được trích dẫn có trong tư liệu sáng chế - cụ thể là các bằng độc quyền sáng chế, đơn sáng chế khác, hoặc Báo cáo tra cứu quốc tế hoặc quốc gia (ISR) - kèm theo một sáng chế cụ thể là rất hữu ích để xác định giá trị của sáng chế có liên quan. Ví dụ, số lần sáng chế được trích dẫn trong các tư liệu sáng chế sau đó thể hiện sự liên quan về mặt kỹ thuật và đó chính là giá trị của sáng chế.



Một số dịch vụ tra cứu do các Cơ quan sáng chế hoặc tổ chức dịch vụ thông tin thương mại cung cấp cho phép phân tích thông tin trích dẫn, đặc biệt là thông qua việc xác định các tài liệu sáng chế sau đó có trích dẫn sáng chế này. Một trong số các dịch vụ kiểu này được Cơ quan Sáng chế châu Âu cung cấp tại địa chỉ: [www.epoline.org/portal/public/registerplus](http://www.epoline.org/portal/public/registerplus)

### Lưu ý!

**Giá trị của sáng chế.** Giá trị thương mại của một sáng chế phụ thuộc vào nhiều yếu tố mà có thể không được đề cập trong tư liệu sáng chế, bao gồm khả năng phát triển sản phẩm dựa trên công nghệ được bảo hộ độc quyền bởi chủ sở hữu sáng chế hoặc người nhận li-xăng, cũng như quy mô của thị trường tiềm năng.

### *Xác định xu hướng phát triển chủ yếu của công nghệ*

Dữ liệu thống kê có được từ tư liệu sáng chế có thể được sử dụng để mô tả xu hướng phát triển chủ đạo của các lĩnh vực công nghệ và cả các quốc gia khác nhau; qua đó, giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các quyết định chính xác hơn.

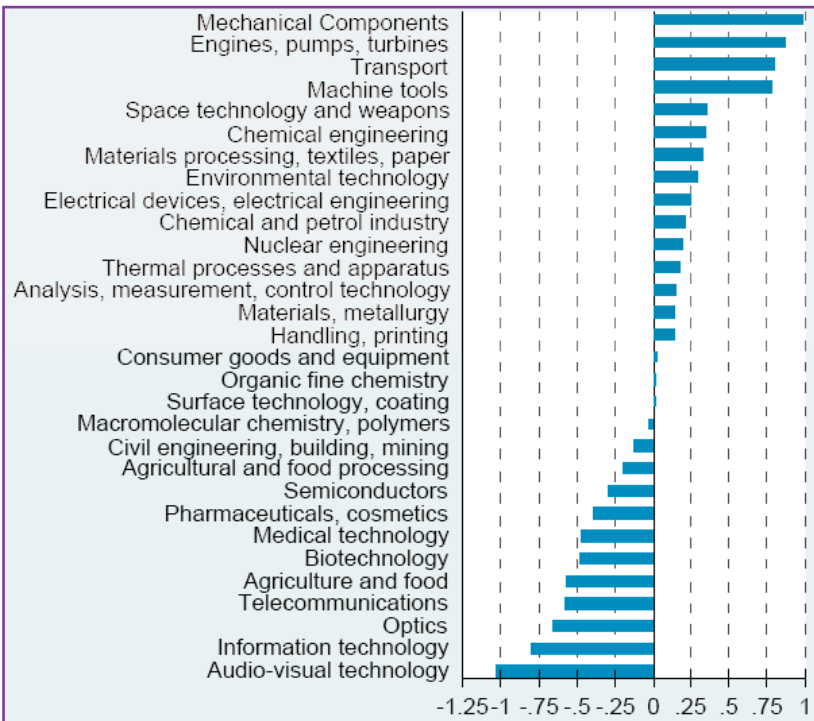
Dữ liệu sáng chế có thể có được từ các ấn phẩm thống kê được công bố trên trang web của các Cơ quan Sáng chế quốc gia và khu vực, nhất là Báo cáo hằng năm của các Cơ quan đó. WIPO cho phép truy cập một cách rộng rãi các số liệu thống kê về hoạt động sáng chế trên thế giới tại địa chỉ: [www.wipo.int/ipstats/en/](http://www.wipo.int/ipstats/en/)

Nói chung, dữ liệu mô tả số lượng đơn sáng chế được nộp, số lượng bằng độc quyền sáng chế đã được cấp và đang có hiệu lực ở các nước khác nhau, và có thể được phân loại theo các tiêu chí khác nhau, như theo nhóm công nghệ hoặc theo nước xuất xứ của người nộp đơn hoặc tác giả sáng chế.

Ví dụ, tùy thuộc vào các tiêu chí phân loại, dữ liệu sáng chế có thể được dùng để theo dõi sự tăng trưởng và thay đổi về hoạt động sáng chế theo thời gian, xem xét sự phân bố đơn sáng chế trong một quốc gia bằng cách so sánh giữa công dân và những người nước ngoài, hoặc xác định các lĩnh vực kỹ thuật mà nước đó chiếm ưu thế trong hoạt động sáng chế.

Một dữ liệu thống kê về sáng chế có thể được nhiều cơ quan của Chính phủ sử dụng để hoạch định chiến lược phát triển công nghiệp của mình là “chỉ số chuyên môn hóa so sánh” như mô tả dưới đây. Chỉ số này so sánh thị phần của một quốc gia trong hoạt động sáng chế toàn cầu trong một lĩnh vực công nghệ nhất định với thị phần của quốc gia trong hoạt động sáng chế toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Nó có thể là hữu ích khi xem xét điểm mạnh và điểm yếu tương đối của một quốc gia liên quan đến hoạt động sáng chế, và do đó, biết được các lĩnh vực đầu tư tiềm năng.

Hình 16. Chỉ số chuyên môn hóa tương đối mô tả hoạt động sáng chế của một quốc gia cụ thể



Nguồn: Báo cáo PCT hàng quý: Những xu hướng và phân tích, WIPO



## Ví dụ thực tiễn

Chính phủ bạn đã xác định rằng việc thiếu hụt các công nghệ bảo quản thực phẩm là một trở ngại lớn để khu vực nông nghiệp xuất khẩu phát triển hơn nữa và đang xem xét đàm phán các hợp đồng chuyển giao công nghệ với các nước khác nhằm có thể tiếp cận tốt hơn các công nghệ có liên quan.

### Bước 1: Xác định các tiêu chí tra cứu

Trong trường hợp này, Bảng IPC cho thấy một nhóm IPC chỉ ra lĩnh vực công nghệ đang được đề cập đến là nhóm A23L 3/00.

Hình 17. Tìm ký hiệu IPC phù hợp

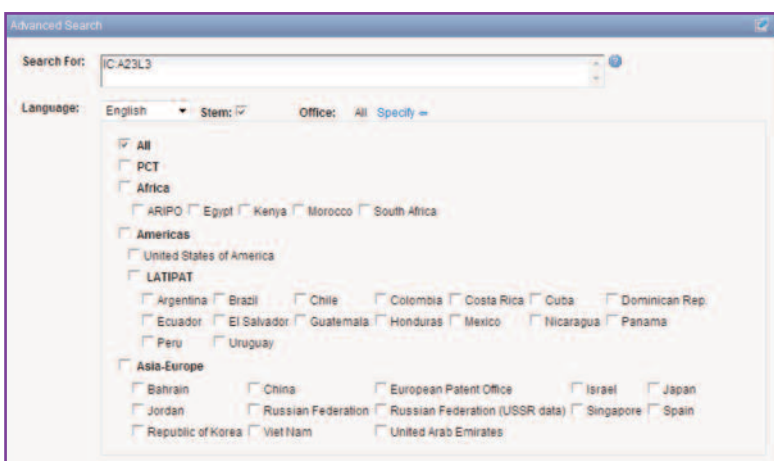
IPC Home Page - Help	Scheme	RCL	Compilation
Version 2014.01			
Current symbol A23L 3/00	<b>A23L 3/00</b>		<b>Preservation of foods or foodstuffs, in general, e.g. pasteurising, sterilising, specially adapted for foods or foodstuffs</b> (preserving foods or foodstuffs in association with packaging B66B 55/00)
<a href="#">Go to</a>	A23L 3/005		· by heating using irradiation or electric treatment (drying or killing A23L 3/40) [5]
Language	A23L 3/01		· using micro-waves or dielectric heating [5]
English	A23L 3/015		· by treatment with pressure variation, shock, acceleration or shear stress [5]
French	A23L 3/02		· by heating materials in packages which are progressively transported, continuously or stepwise, through the apparatus (A23L 3/005 takes precedence) [5]
English/French	A23L 3/04		· with packages on endless chain or band conveyors
View mode	A23L 3/06		· with packages transported along a helical path
path	A23L 3/08		· with packages on a revolving platform
full	A23L 3/10		· by heating materials in packages which are not progressively transported through the apparatus (A23L 3/005 takes precedence) [5]
hierarchical	A23L 3/12		· with packages in intercommunicating chambers through which the heating medium is circulated
Standardized sequence	A23L 3/14		· with packages moving on the spot
Deleted entries	A23L 3/18		· by heating loose unpacked materials (A23L 3/005 takes precedence) [5]
Subclass indexes	A23L 3/18		· while they are progressively transported through the apparatus
Guidance Headings	A23L 3/20		· with transport along plates
Notes	A23L 3/22		· with transport through tubes
Search	A23L 3/24		· with the materials in spray form
Terms	A23L 3/26		· by irradiation without heating
Cross-references	A23L 3/28		· with ultra-violet light
	A23L 3/30		· by treatment with ultrasonic waves
	A23L 3/32		· by treatment with electric currents without heating effect
	A23L 3/34		· by treatment with chemicals
	A23L 3/3409		· in the form of gases, e.g. fumigation; Compositions or apparatus therefor [5]



### Bước 2. Thực hiện việc tra cứu

Vì chỉ một nhóm IPC duy nhất là cần thiết để bao trùm lĩnh vực công nghệ có liên quan nên các tiêu chí tra cứu cần thiết để tìm kiếm các tài liệu phù hợp là rất đơn giản trong trường hợp này. Đầu tiên, nhập ký hiệu IPC có được vào trường thích hợp trong Dịch vụ tra cứu PATENTSCOPE® của WIPO (trong chức năng tra cứu nâng cao).

Hình 18. Tra cứu nâng cao trên trang PATENTSCOPE của WIPO



### Bước 3: Phân tích dữ liệu

Bản tóm tắt dữ liệu và các mô tả bằng hình họa của các đơn đăng ký sáng chế quốc tế đã tìm được ở các bước trước có thể thấy được một cách nhanh chóng ở trang kết quả, như được thể hiện dưới đây

Hình 19. Kết quả tra cứu trên PATENTSCOPE® của WIPO

Results 1-10 of 32,727 for Criteria:IC:"A23L3" Offices:all Language:EN Stemming:true

prev 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 next Page 1 / 3273 Go

Refine Search IC:A23L3 Search 155

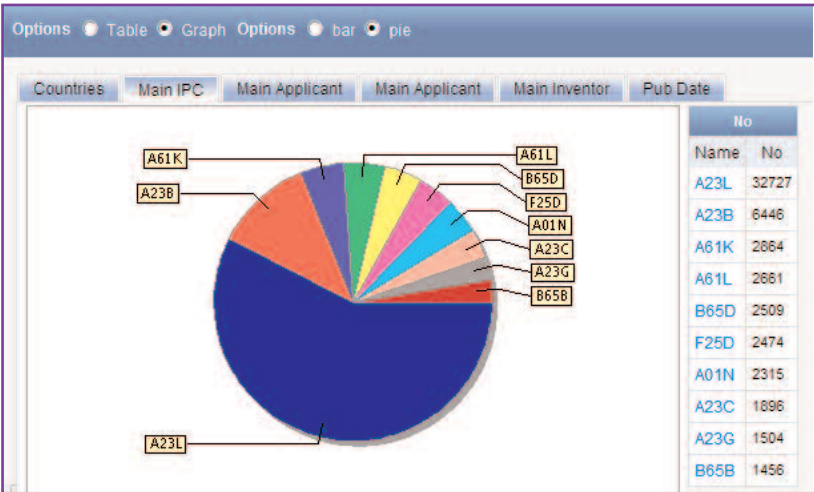
Analysis

Options Table **Graph** Options bar pie

Countries		Main IPC		Main Applicant		Main Inventor		Pub Date	
Name	No	Name	No	Name	No	Name	No	Date	No
United States	7815	A23L	32727	Государственное образовательное учреждение высшего профессионального образования "Дагестанский государственный технический университет" (ДГТУ) (RU)	504	Квасенков Олег Иванович (RU)	1547	2003	1325
Japan	7561	A23B	6446			Ахмедов Магомед Эминович (RU)	863	2004	1455
European Patent Office	3636	A61K	2884	NESTLE SA	159	Эминович (RU)		2005	1468
Russian Federation	3499	A61L	2661	Ахмедов Магомед Эминович (RU)	134	Исмаилов Тапир Абдурашидович (RU)	779	2006	1257
China	3242	B65D	2509	СОЦИЕТЕ ДЕС ПРОДУИТС НЕСТЛЕ S.A	109	Ахмедов Магомед Эминович (RU)		2007	1118
PCT	2760	F25D	2474	UNILEVER NV	93	Ахмедов Магомед Эминович (RU)		2008	1169
Spain	1709	A01N	2315	FMC CORP	92	Дамирова Аминат Файзудиновна (RU)	78	2009	2750
Brazil	843	A23C	1896	Государственное образовательное учреждение высшего профессионального образования "Дагестанский государственный технический университет" (ДГТУ) (RU)	88	Файзудиновна (RU)		2010	1306
Republic of Korea	835	A23G	1504			THOMPSON ALBERT R	57	2011	1706
		B65B	1456			WAKASA AKIRA	46	2012	1953
						王佐 (CN)	40	2013	542

Thông tin thu được bằng cách sử dụng công cụ phân tích đồ họa chứa số lượng và đồ thị phân bố đơn sáng chế liên quan đến các tiêu chí tra cứu được sử dụng ở bước thứ hai, tức là trong lĩnh vực công nghệ bảo quản thực phẩm.

Hình 20. Biểu đồ kết quả tra cứu theo Cơ quan nộp đơn



Nó cũng bao gồm thông tin về các xu hướng trong quá khứ về việc nộp đơn quốc tế trong lĩnh vực này. Số lượng đơn của năm hiện tại phản ánh số lượng đơn sáng chế đã được công bố tại thời điểm tra cứu, và do đó có thể là ít một cách lạ thường.

Hình 21. Biểu đồ kết quả tra cứu theo theo năm công bố



## ▶▶ Có thể tìm được tư liệu phi sáng chế ở đâu?

Tư liệu phi sáng chế bao gồm các tạp chí khoa học, sách giáo khoa và các nguồn tri thức khoa học và kỹ thuật khác. Trong nhiều lĩnh vực công nghệ, tài liệu phi sáng chế có vai trò quyết định trong việc xác định tình trạng kỹ thuật, và vì thế nó là một bộ phận không thể thiếu được khi đánh giá khả năng bảo hộ độc quyền đối với sáng chế bất kỳ

WIPO đã xây dựng một danh mục tạp chí khoa học định kỳ mà các Cơ quan Sở hữu trí tuệ nên tham khảo khi thực hiện việc tra cứu quốc tế trong quá trình xử lý đơn sáng chế theo Hệ thống PCT. Danh mục này, thường được gọi là Tài liệu tối thiểu PCT, có tại địa chỉ: [www.wipo.int/standards/en/part\\_04.html](http://www.wipo.int/standards/en/part_04.html)

Việc tham khảo kỹ lưỡng các tài liệu định kỳ có trong danh mục tài liệu phi sáng chế tối thiểu là một công việc cần thiết để xác định xem có giải pháp kỹ thuật đã biết liên quan đến sáng chế hay không. Tuy nhiên, cũng cần xem xét các nguồn thông tin bổ sung để xác định tính mới của sáng chế.

Rất nhiều công cụ tra cứu tư liệu phi sáng chế trực tuyến được cung cấp bởi các tổ chức thương mại kể cả Tạp chí Google và Scirus. Các tổ chức thương mại cũng cung cấp các dịch vụ tra cứu nâng cao, bao gồm các tài liệu tham khảo chéo và tài liệu phi sáng chế được phân loại theo IPC.

Các thông tin chi tiết có thể tham khảo thêm tại website [www.wipo.int](http://www.wipo.int)

Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)  
Địa chỉ: 34, chemin des Colombettes  
P.O. Box 18  
CH-1211 Geneva 20  
Switzerland

Điện thoại:  
+41 22 338 91 11

Fax:  
+41 22 733 54 28